



DANH SÁCH SINH VIÊN THI Rớt MÔN HK1 2024-2025 (CHƯA THI) VÀ HK 2 2024-2025 (KHÓA TỐT NGHIỆP)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1	214442	Ca Trọng Quỳnh	05/02/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
2	214442	Ca Trọng Quỳnh	05/02/2003	Nam	011800216501	Matlab ứng dụng	21CKO-TT		
3	214204	Lê Duy Tân	07/10/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
4	214204	Lê Duy Tân	07/10/2003	Nam	011800216501	Matlab ứng dụng	21CKO-TT		
5	219481	Lê Hoàng Vũ	17/03/2002	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
6	219956	Ngô Minh Toàn	08/03/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
7	213844	Ngũ Mạnh Đình	06/06/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
8	213844	Ngũ Mạnh Đình	06/06/2003	Nam	011800216501	Matlab ứng dụng	21CKO-TT		
9	210452	Nguyễn Khánh Anh Hào	27/08/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
10	2111092	Nguyễn Thiện Thiên	05/01/2001	Nam	011800109401	Kỹ thuật an toàn lao động	21CKO-TT		
11	2111092	Nguyễn Thiện Thiên	05/01/2001	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
12	2111092	Nguyễn Thiện Thiên	05/01/2001	Nam	011800216501	Matlab ứng dụng	21CKO-TT		
13	2110602	Nguyễn Trương Thanh Hào	07/10/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
14	2110825	Nguyễn Tuấn Thanh	08/08/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
15	219547	Phạm Huy Phương	02/09/2003	Nam	011800216501	Matlab ứng dụng	21CKO-TT		
16	2110539	Phan Nguyễn Duy	15/10/2003	Nam	011800109401	Kỹ thuật an toàn lao động	21CKO-TT		
17	2110539	Phan Nguyễn Duy	15/10/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
18	2110539	Phan Nguyễn Duy	15/10/2003	Nam	011800216501	Matlab ứng dụng	21CKO-TT		
19	212457	Quách Gia Chiên	03/05/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
20	2111124	Trần Khánh Hào	08/05/2003	Nam	011800109401	Kỹ thuật an toàn lao động	21CKO-TT		
21	2111124	Trần Khánh Hào	08/05/2003	Nam	011800111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	21CKO-TT		
22	2111124	Trần Khánh Hào	08/05/2003	Nam	011800216501	Matlab ứng dụng	21CKO-TT		
23	2110201	Hoàng Phương Anh	05/07/2003	Nữ	011800216602	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	21QTK-TT		
24	2110201	Hoàng Phương Anh	05/07/2003	Nữ	011800151801	Marketing kỹ thuật số	21QTK-TT		
25	2110201	Hoàng Phương Anh	05/07/2003	Nữ	011800139901	Quản trị logistics	21QTK-TT		
26	2110311	Nguyễn Cường Thịnh	31/07/2003	Nam	011800216602	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	21QTK-TT		
27	219333	Trần Nguyễn Huy Nam	22/08/2003	Nam	011800151801	Marketing kỹ thuật số	21QTK-TT		
28	214382	Dương Thái Tân	18/08/2003	Nam	011800207001	Công nghệ chuỗi khối	21TIN01-TT		
29	214382	Dương Thái Tân	18/08/2003	Nam	011800169601	Lập trình Java	21TIN01-TT		
30	214382	Dương Thái Tân	18/08/2003	Nam	011800216201	Lập trình WPF	21TIN01-TT		
31	214382	Dương Thái Tân	18/08/2003	Nam	011800178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	21TIN01-TT		
32	214382	Dương Thái Tân	18/08/2003	Nam	011800169901	Thiết kế đồ họa	21TIN01-TT		
33	2111109	Mai Thế Ngọc	04/04/2003	Nam	011800207001	Công nghệ chuỗi khối	21TIN01-TT		
34	2111109	Mai Thế Ngọc	04/04/2003	Nam	011800169601	Lập trình Java	21TIN01-TT		
35	2111109	Mai Thế Ngọc	04/04/2003	Nam	011800216201	Lập trình WPF	21TIN01-TT		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
36	2111109	Mai Thế Ngọc	04/04/2003	Nam	011800178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	21TIN01-TT		
37	2111109	Mai Thế Ngọc	04/04/2003	Nam	011800169901	Thiết kế đồ họa	21TIN01-TT		
38	213908	Nguyễn Thành Lộc	22/03/2003	Nam	011800207001	Công nghệ chuỗi khối	21TIN01-TT		
39	2111134	Nguyễn Trọng Nghĩa	27/08/2003	Nam	011800207001	Công nghệ chuỗi khối	21TIN01-TT		Miễn lệ phí
40	2110019	Trần Trung Hậu	06/09/2003	Nam	011800207001	Công nghệ chuỗi khối	21TIN01-TT		
41	2110019	Trần Trung Hậu	06/09/2003	Nam	011800169601	Lập trình Java	21TIN01-TT		
42	2110019	Trần Trung Hậu	06/09/2003	Nam	011800216201	Lập trình WPF	21TIN01-TT		
43	2110019	Trần Trung Hậu	06/09/2003	Nam	011800178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	21TIN01-TT		
44	2110019	Trần Trung Hậu	06/09/2003	Nam	011800169901	Thiết kế đồ họa	21TIN01-TT		
45	219549	Võ Hứa Gia Bảo	08/03/2003	Nam	011800216201	Lập trình WPF	21TIN01-TT		
46	219912	Yếp Nguyễn Kim Hùng	09/08/2003	Nam	011800169901	Thiết kế đồ họa	21TIN01-TT		
47	2110453	Lê Anh Hào	17/10/2003	Nam	011800207002	Công nghệ chuỗi khối	21TIN02-TT		
48	2110453	Lê Anh Hào	17/10/2003	Nam	011800216202	Lập trình WPF	21TIN02-TT		
49	2110453	Lê Anh Hào	17/10/2003	Nam	011800178702	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	21TIN02-TT		
50	2110453	Lê Anh Hào	17/10/2003	Nam	011800169902	Thiết kế đồ họa	21TIN02-TT		
51	213923	Phạm Duy Hiếu	30/01/2003	Nam	011800169902	Thiết kế đồ họa	21TIN02-TT		
52	2110847	Trần Hoàng Phúc	31/07/2003	Nam	011800207002	Công nghệ chuỗi khối	21TIN02-TT		
53	2110847	Trần Hoàng Phúc	31/07/2003	Nam	011800169602	Lập trình Java	21TIN02-TT		
54	2110847	Trần Hoàng Phúc	31/07/2003	Nam	011800216202	Lập trình WPF	21TIN02-TT		
55	2110847	Trần Hoàng Phúc	31/07/2003	Nam	011800178702	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	21TIN02-TT		
56	2110847	Trần Hoàng Phúc	31/07/2003	Nam	011800169902	Thiết kế đồ họa	21TIN02-TT		
57	2111086	Dương Thị Bích Trâm	23/07/1996	Nữ	011800120301	Ký sinh trùng 3	21XET-TT		
58	2111086	Dương Thị Bích Trâm	23/07/1996	Nữ	011800151401	Vi sinh 4	21XET-TT		
59	219815	Dương Thị Liễu Yến	21/05/2003	Nữ	011800151401	Vi sinh 4	21XET-TT		
60	2111145	Huỳnh Minh Phú	01/01/2003	Nam	011800151401	Vi sinh 4	21XET-TT		
61	210924	Huỳnh Thúy Duy	09/09/2003	Nữ	011800120301	Ký sinh trùng 3	21XET-TT		
62	210924	Huỳnh Thúy Duy	09/09/2003	Nữ	011800151401	Vi sinh 4	21XET-TT		
63	213259	Lê Nhã Hân	04/04/2002	Nữ	011800120301	Ký sinh trùng 3	21XET-TT		
64	213259	Lê Nhã Hân	04/04/2002	Nữ	011800151401	Vi sinh 4	21XET-TT		
65	212625	Lê Thị Trúc Ly	05/01/2003	Nữ	011800120301	Ký sinh trùng 3	21XET-TT		
66	210919	Nguyễn Như Huỳnh	16/06/2003	Nữ	011800120301	Ký sinh trùng 3	21XET-TT		
67	210919	Nguyễn Như Huỳnh	16/06/2003	Nữ	011800151401	Vi sinh 4	21XET-TT		
68	219882	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	23/07/2003	Nữ	011800120301	Ký sinh trùng 3	21XET-TT		
69	2111241	Phạm Lê Mỹ Duyên	10/02/2002	Nữ	011800120301	Ký sinh trùng 3	21XET-TT		
70	210281	Vũ Tuấn Anh	20/03/2003	Nam	011800120301	Ký sinh trùng 3	21XET-TT		
71	210281	Vũ Tuấn Anh	20/03/2003	Nam	011800151401	Vi sinh 4	21XET-TT		
72	1810289	Hồ Thị Phương Trâm	30/12/2000	Nữ	010200049202	Kinh tế được	DH18DUO02	DH20DUO02	
73	188645	Nguyễn Phước Nguyên	20/04/2000	Nam	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH18LKT01	DH21LKT01	
74	180677	Lưu Anh Tuấn	05/08/2000	Nam	010100143702	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH18LUA01	DH21LUA02	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
75	180677	Lưu Anh Tuấn	05/08/2000	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH18LUA01	DH21LUA01	
76	180677	Lưu Anh Tuấn	05/08/2000	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH18LUA01	DH21LUA02	
77	180677	Lưu Anh Tuấn	05/08/2000	Nam	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH18LUA01	DH21LUA02	
78	199994	Nguyễn Duy Huân	31/08/2001	Nam	010200049201	Kinh tế được	DH19DUO02	DH20DUO01	
79	1910194	Lê Tâm Quang Trường	13/03/2000	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH19KTR01	DH21XDU02	
80	1910194	Lê Tâm Quang Trường	13/03/2000	Nam	010200034501	Phong thủy	DH19KTR01	DH20KTR01	
81	178066	Nguyễn Phú Bảo Kỳ	02/01/1999	Nam	010100068101	Luật đầu tư	DH19LKT01	DH21LKT01	
82	178066	Nguyễn Phú Bảo Kỳ	02/01/1999	Nam	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH19LKT01	DH21LKT01	
83	198925	Lê Gia Khang	27/02/2001	Nam	010100199702	Ngữ nghĩa học	DH19NNA02	DH21NNA02	
84	1910234	Nguyễn Minh Hưng	10/08/2001	Nam	010100200302	Giao tiếp đa văn hóa	DH19NNA02	DH21NNA02	
85	191508	Đặng Vũ Minh Hiếu	12/06/2001	Nam	010100207001	Công nghệ chuỗi khối	DH19TIN02	DH21TIN01	
86	190169	Lê Thị Thảo Nguyên	20/07/2001	Nữ	011500149101	Phụ khoa	DH19YKH01		HK1 24-25
87	1810510	Nguyễn Thiện Minh	21/03/2000	Nam	011500149101	Phụ khoa	DH19YKH01		HK1 24-25
88	190930	Phạm Trung Hiếu	14/08/1987	Nam	011500149101	Phụ khoa	DH19YKH01		HK1 24-25
89	1910089	Đặng Đông Phương	10/10/2001	Nam	011500149102	Phụ khoa	DH19YKH02		HK1 24-25
90	191781	Hồ Nguyễn Phương Uyên	14/05/2001	Nữ	011500149102	Phụ khoa	DH19YKH02		HK1 24-25
91	191393	Kiên Đoàn Vy	20/11/2001	Nữ	011500149102	Phụ khoa	DH19YKH02		HK1 24-25
92	191917	Mai Hoàng Ánh Ngọc	18/08/2001	Nữ	011500149102	Phụ khoa	DH19YKH02		HK1 24-25
93	191182	Nguyễn Hồng Kông	02/12/2001	Nam	011500149102	Phụ khoa	DH19YKH02		HK1 24-25
94	191241	Nguyễn Thanh Phong	18/10/2001	Nam	011500149102	Phụ khoa	DH19YKH02		HK1 24-25
95	191177	Nguyễn Thị Phương Trang	09/07/2001	Nữ	011500149102	Phụ khoa	DH19YKH02		HK1 24-25
96	191217	Võ Đức Anh Quân	02/08/2001	Nam	011500149102	Phụ khoa	DH19YKH02		HK1 24-25
97	199174	Đa Đức Thanh	28/11/2001	Nam	011500149104	Phụ khoa	DH19YKH04		HK1 24-25
98	199652	Lâm Nhật An	29/12/2001	Nam	011500149104	Phụ khoa	DH19YKH04		HK1 24-25
99	199918	Nguyễn Nhật Bản	05/07/2001	Nam	011500149104	Phụ khoa	DH19YKH04		HK1 24-25
100	202155	Đỗ Anh Khoa	31/01/2002	Nam	010200049201	Kinh tế được	DH20DUO01		
101	202930	Dương Ngọc Phương Thùy	15/05/2002	Nữ	010200044101	Các hệ thống trị liệu mới	DH20DUO01		
102	200959	Hồ Lại Bích Trâm	26/07/2000	Nữ	010200044101	Các hệ thống trị liệu mới	DH20DUO01		
103	201740	Hồ Thị Kim Ngọc	03/02/2002	Nữ	010200049201	Kinh tế được	DH20DUO01		
104	200542	Huỳnh Anh	07/07/2002	Nữ	010200049201	Kinh tế được	DH20DUO01		
105	200714	Huỳnh Minh Tân	11/11/2002	Nam	010200044101	Các hệ thống trị liệu mới	DH20DUO01		
106	202673	Nguyễn Tấn Sang	07/03/2002	Nam	010200049201	Kinh tế được	DH20DUO01		
107	200552	Nguyễn Trịnh Phước Hưng	16/10/2002	Nam	010200044101	Các hệ thống trị liệu mới	DH20DUO01		
108	200552	Nguyễn Trịnh Phước Hưng	16/10/2002	Nam	010200049201	Kinh tế được	DH20DUO01		
109	200964	Phan Thị Kim Quyển	29/11/2002	Nữ	010200049201	Kinh tế được	DH20DUO01		
110	2010262	Nguyễn Phạm Phương Hồng	15/09/2002	Nữ	010200049202	Kinh tế được	DH20DUO02		
111	1810301	Phan Thanh Sang	23/11/1995	Nam	010200049202	Kinh tế được	DH20DUO02		
112	2010148	Quách Ngọc Châu	11/11/2002	Nữ	010200044102	Các hệ thống trị liệu mới	DH20DUO02		
113	2010148	Quách Ngọc Châu	11/11/2002	Nữ	010200049202	Kinh tế được	DH20DUO02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
114	203638	Võ Khánh Vy	26/05/2002	Nữ	010200044102	Các hệ thống trị liệu mới	DH20DUO02		
115	203638	Võ Khánh Vy	26/05/2002	Nữ	010200049202	Kinh tế được	DH20DUO02		
116	199824	Võ Phước Hậu	25/02/1995	Nam	010200044102	Các hệ thống trị liệu mới	DH20DUO02		
117	199824	Võ Phước Hậu	25/02/1995	Nam	010200049202	Kinh tế được	DH20DUO02		
118	188503	Nguyễn Anh Thư	20/03/2000	Nữ	010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	DH20HAY01	DH21HAY01	
119	202564	Lê Thị Anh Thy	30/08/2002	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH20KQT01	DH21MAR01	
120	203300	Phan Thúy Anh	02/02/2002	Nữ	010100075207	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH20KTO01	DH21QTK05	
121	201036	Trần Khả Duy	12/12/2002	Nam	010100103801	Chuẩn mực kế toán	DH20KTO01	DH21KTO01	
122	202053	Nguyễn Phương Thảo	01/10/2002	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH20KTO02	DH21QTK07	
123	201332	Danh Thị Huỳnh Như	17/03/2002	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH20KTO03	DH21QTK02	
124	201111	Ngô Nguyễn Tiểu Băng	22/04/2002	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH20KTO03	DH21QTK02	
125	203412	Đoàn Hiếu Huy	23/06/2002	Nam	010200013801	Tổ chức thi công	DH20KTR01		
126	202039	Đoàn Quốc Ninh	03/06/2002	Nam	010200001101	Bảo tồn di sản kiến trúc	DH20KTR01		
127	201433	Lê Hữu Duy	19/10/2002	Nam	010200034501	Phong thủy	DH20KTR01		
128	201824	Nguyễn Đức Thịnh	30/09/2002	Nam	010200013801	Tổ chức thi công	DH20KTR01		
129	200756	Phan Đức Thịnh	23/12/2002	Nam	010200013801	Tổ chức thi công	DH20KTR01		
130	202581	Võ Trường Sơn	07/07/2002	Nam	010200001101	Bảo tồn di sản kiến trúc	DH20KTR01		
131	203499	Vũ Ngọc Lam	04/12/2001	Nữ	010200034501	Phong thủy	DH20KTR01		
132	203587	Hồ Thị Thảo Ngọc	19/11/2002	Nữ	010100143701	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH20LUA02	DH21LUA01	
133	2010283	Võ Nhật Duy	03/03/2002	Nam	010100129501	Pháp luật về quyền con người	DH20LUA02	DH21LUA01	
134	200834	Phan Thanh Anh Thy	04/11/2002	Nữ	010100199802	Âm vị học	DH20NNA01	DH21NNA02	
135	203393	Nguyễn Đặng Hoàng Nhựt	29/05/2002	Nam	010100200302	Giao tiếp đa văn hóa	DH20NNA03	DH21NNA02	
136	203357	Nguyễn Thị Trúc Linh	22/01/2002	Nữ	010100206706	Phân tích diễn ngôn	DH20NNA03	DH21NNA06	
137	200186	Ngô Minh Triết	03/04/2001	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO01	DH21OTO01	
138	200186	Ngô Minh Triết	03/04/2001	Nam	010100109405	Kỹ thuật an toàn lao động	DH20OTO01	DH21OTO05	
139	200346	Nguyễn Minh Khánh	14/09/2002	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO01	DH21OTO01	Miễn lệ phí
140	200346	Nguyễn Minh Khánh	14/09/2002	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH20OTO01		
141	202856	Nguyễn Trung Kiên	02/02/2002	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO02	DH21OTO05	
142	203098	Từ Trường Phát	24/11/2002	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO02	DH21OTO05	
143	200898	Lâm Duy Đạt	29/01/2001	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO03	DH21OTO08	
144	200898	Lâm Duy Đạt	29/01/2001	Nam	010100109407	Kỹ thuật an toàn lao động	DH20OTO03	DH21OTO07	
145	200811	Sơn Ma Ry	21/02/2002	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO03	DH21OTO05	
146	200755	Trương Hoàng Huy	20/02/2002	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO03	DH21OTO07	
147	201117	Dương Khắc Duy	11/12/2002	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO04	DH21OTO02	
148	201044	Nguyễn Hoàng Nam	27/06/2002	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO04	DH21OTO07	
149	200578	Nguyễn Thành Luân	03/05/2001	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO04	DH21OTO05	
150	201048	Trịnh Minh Khôi	05/09/2002	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH20OTO04	DH21OTO07	
151	201048	Trịnh Minh Khôi	05/09/2002	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH20OTO04		
152	201319	Dương Minh Phát	30/10/2002	Nam	010100109408	Kỹ thuật an toàn lao động	DH20OTO05		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
153	201889	Nguyễn Minh Thuận	20/12/2002	Nam	010100216509	Matlab ứng dụng	DH20OTO07	DH21OTO08	
154	200203	Trần Minh Trí	21/01/2001	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH20QTK01	DH21QTK02	
155	201804	Huỳnh Nguyễn Minh Luật	05/11/2002	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH20QTK04	DH21QTK02	
156	200688	Huỳnh Kim Hạo	29/09/2002	Nam	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH20TCN01	DH21TCN02	
157	200275	Nguyễn Phong Hoàn	23/08/2002	Nam	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH20TCN01	DH21TCN02	
158	203565	Phạm Quốc Vĩ	21/07/2002	Nam	010100101701	Quản lý dự án công nghệ thông tin	DH20TIN01	DH21KPM01	
159	201602	Dương Khang Trường	01/11/2002	Nam	011800169602	Lập trình Java	DH20TIN03	21TIN02-TT	
160	201602	Dương Khang Trường	01/11/2002	Nam	011800169902	Thiết kế đồ họa	DH20TIN03	21TIN02-TT	
161	190631	Đỗ Tiến Hào	22/03/2001	Nam	010100101701	Quản lý dự án công nghệ thông tin	DH20TIN04	DH21KPM01	
162	202865	Đặng Thanh Lam	28/11/2002	Nam	010100099101	Xử lý ảnh	DH20TIN05	DH21TIN01	
163	200722	Phan Thanh Ngọc	29/04/2002	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH20TIN05	DH21KPM01	
164	2010311	Trần Vũ Phong	01/01/2002	Nam	010100008602	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	DH20XDU01	DH21XDU01	
165	2010577	Ab Dol Ha Mid	21/06/2002	Nam	010100151401	Vi sinh 4	DH20XET03	DH21XET01	
166	200373	Nguyễn Minh Phát	28/11/2002	Nam	010100151401	Vi sinh 4	DH20XET03	DH21XET01	
167	200862	Nguyễn Cao Trí	26/08/2002	Nam	011500148301	Lao và bệnh phổi	DH20YKH01		HK1 24-25
168	201894	Tạ Thị Hồng Nhung	18/01/2002	Nữ	011500148302	Lao và bệnh phổi	DH20YKH02		HK1 24-25
169	203482	Đặng Hồng Thư	02/12/2000	Nữ	011500148303	Lao và bệnh phổi	DH20YKH03		HK1 24-25
170	219658	Nguyễn Quốc Khang	17/09/2003	Nam	010100216601	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21BDS01		
171	212730	Bùi Huỳnh Khang	23/03/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
172	212730	Bùi Huỳnh Khang	23/03/2003	Nam	010100152101	Quản lý kỹ thuật ô tô và dịch vụ ô tô	DH21CKD01		
173	219501	Cao Thiên Tứ	14/10/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
174	219501	Cao Thiên Tứ	14/10/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
175	219501	Cao Thiên Tứ	14/10/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
176	219501	Cao Thiên Tứ	14/10/2003	Nam	010100152101	Quản lý kỹ thuật ô tô và dịch vụ ô tô	DH21CKD01		
177	214189	Đỗ Văn Nam	06/01/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
178	214492	Huỳnh Minh Nhật	01/09/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
179	214416	Huỳnh Quốc Bảo	02/01/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
180	219371	Kiên Thành Tài	07/03/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
181	219371	Kiên Thành Tài	07/03/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
182	219371	Kiên Thành Tài	07/03/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
183	219371	Kiên Thành Tài	07/03/2003	Nam	010100152101	Quản lý kỹ thuật ô tô và dịch vụ ô tô	DH21CKD01		
184	211851	Nguyễn Duy Khánh	05/07/2002	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
185	214347	Nguyễn Lật Duy	13/06/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
186	214188	Nguyễn Nhật Thành	20/12/2002	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
187	213967	Nguyễn Thái Vinh	09/03/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
188	2110983	Nguyễn Thanh Dĩ	12/07/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
189	2110983	Nguyễn Thanh Dĩ	12/07/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
190	2110983	Nguyễn Thanh Dĩ	12/07/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
191	2110983	Nguyễn Thanh Dĩ	12/07/2003	Nam	010100152101	Quản lý kỹ thuật ô tô và dịch vụ ô tô	DH21CKD01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
192	214017	Phạm An Khương	04/02/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
193	214017	Phạm An Khương	04/02/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
194	214017	Phạm An Khương	04/02/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
195	214017	Phạm An Khương	04/02/2003	Nam	010100152101	Quản lý kỹ thuật ô tô và dịch vụ ô tô	DH21CKD01		
196	213459	Phạm Gia Khánh	28/07/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
197	2110219	Phạm Hoàng Thái	16/12/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
198	219452	Thạch Ngọc Phúc	03/04/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
199	219452	Thạch Ngọc Phúc	03/04/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
200	219452	Thạch Ngọc Phúc	03/04/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
201	219452	Thạch Ngọc Phúc	03/04/2003	Nam	010100152101	Quản lý kỹ thuật ô tô và dịch vụ ô tô	DH21CKD01		
202	214179	Thạch Quý Nhứt	27/05/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
203	214179	Thạch Quý Nhứt	27/05/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
204	214179	Thạch Quý Nhứt	27/05/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
205	214179	Thạch Quý Nhứt	27/05/2003	Nam	010100152101	Quản lý kỹ thuật ô tô và dịch vụ ô tô	DH21CKD01		
206	2110618	Thái Hoàng Long	22/10/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
207	2110618	Thái Hoàng Long	22/10/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
208	2110618	Thái Hoàng Long	22/10/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
209	2110618	Thái Hoàng Long	22/10/2003	Nam	010100152101	Quản lý kỹ thuật ô tô và dịch vụ ô tô	DH21CKD01		
210	219894	Tô Phi Học	13/12/2002	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
211	219351	Trần Gia Huy	10/10/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
212	219351	Trần Gia Huy	10/10/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
213	212994	Trần Sa Huỳnh	11/08/2003	Nam	010100111901	Kỹ thuật kiểm định ô tô	DH21CKD01		
214	212994	Trần Sa Huỳnh	11/08/2003	Nam	010100156301	Kỹ thuật tàu thủy đại cương	DH21CKD01		
215	212994	Trần Sa Huỳnh	11/08/2003	Nam	010100216501	Matlab ứng dụng	DH21CKD01		
216	212994	Trần Sa Huỳnh	11/08/2003	Nam	010100152101	Quản lý kỹ thuật ô tô và dịch vụ ô tô	DH21CKD01		
217	211566	Cao Thị Như Linh	04/06/2003	Nữ	010100079101	Quản trị sản xuất	DH21CNT01		
218	219738	Đoàn Thị Cẩm Mơ	24/06/2003	Nữ	010100079101	Quản trị sản xuất	DH21CNT01		
219	203334	Kim Việt Trung	30/01/2002	Nam	010100079101	Quản trị sản xuất	DH21CNT01		
220	210311	Lê Huyền Thoại	25/10/2003	Nam	010100019701	Công nghệ chế biến nhiệt sản phẩm	DH21CNT01		
221	210311	Lê Huyền Thoại	25/10/2003	Nam	010100024101	Đánh giá cảm quan thực phẩm	DH21CNT01		
222	210311	Lê Huyền Thoại	25/10/2003	Nam	010100079101	Quản trị sản xuất	DH21CNT01		
223	214421	Lưu Thành Tài	13/12/2001	Nam	010100019701	Công nghệ chế biến nhiệt sản phẩm	DH21CNT01		
224	214421	Lưu Thành Tài	13/12/2001	Nam	010100024101	Đánh giá cảm quan thực phẩm	DH21CNT01		
225	214421	Lưu Thành Tài	13/12/2001	Nam	010100079101	Quản trị sản xuất	DH21CNT01		
226	211234	Lý Hoàng Dương	14/11/2003	Nam	010100024101	Đánh giá cảm quan thực phẩm	DH21CNT01		
227	213852	Bùi Trọng Nghĩa	24/11/2003	Nam	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
228	214145	Danh Thị Tố Quyên	20/01/2003	Nữ	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
229	2110266	Huỳnh Long Nguyễn	15/02/2003	Nam	010100019702	Công nghệ chế biến nhiệt sản phẩm	DH21CNT02		
230	2110266	Huỳnh Long Nguyễn	15/02/2003	Nam	010100024102	Đánh giá cảm quan thực phẩm	DH21CNT02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
231	2110266	Huỳnh Long Nguyễn	15/02/2003	Nam	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
232	201933	Lâm Trương Khánh Trinh	14/10/2001	Nam	010100019702	Công nghệ chế biến nhiệt sản phẩm	DH21CNT02		
233	201933	Lâm Trương Khánh Trinh	14/10/2001	Nam	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
234	211997	Lê Thái Hạ Thiên	14/06/2003	Nữ	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
235	210231	Lương Bôn	29/01/2003	Nam	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
236	212767	Nguyễn Hữu Khánh	05/03/2003	Nam	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
237	219823	Nguyễn Mỹ Ngân	15/11/2003	Nữ	010100019702	Công nghệ chế biến nhiệt sản phẩm	DH21CNT02		
238	219823	Nguyễn Mỹ Ngân	15/11/2003	Nữ	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
239	212423	Nguyễn Út Tuyền	12/06/2003	Nữ	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
240	213965	Phạm Diễm Quyên	18/06/2003	Nữ	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
241	213615	Phạm Hiếu Thiện	26/11/2002	Nam	010100079102	Quản trị sản xuất	DH21CNT02		
242	212113	Trương Thị Nhân	20/11/2003	Nữ	010100024102	Đánh giá cảm quan thực phẩm	DH21CNT02		
243	2111059	Nguyễn Ngọc Minh Thi	15/06/2002	Nữ	010100066801	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21DPT01		
244	2111059	Nguyễn Ngọc Minh Thi	15/06/2002	Nữ	010100213801	Quản lý dự án đa phương tiện	DH21DPT01		
245	219597	Nguyễn Ngọc Trâm	28/10/2003	Nữ	010100066801	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21DPT01		
246	213843	Hồ Thủy Ngân	29/01/2003	Nữ	010100126301	Bảo trì thiết bị hình ảnh y học	DH21HAY01		
247	219361	Lâm Phương Uyên	15/03/2003	Nữ	010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	DH21HAY01		
248	210904	Lê Anh Phương	21/12/2003	Nam	010100126301	Bảo trì thiết bị hình ảnh y học	DH21HAY01		
249	210904	Lê Anh Phương	21/12/2003	Nam	010100125101	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ (MRI)	DH21HAY01		
250	210904	Lê Anh Phương	21/12/2003	Nam	010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	DH21HAY01		
251	210904	Lê Anh Phương	21/12/2003	Nam	010100125001	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	DH21HAY01		
252	2110698	Lê Minh Duy	01/08/2003	Nam	010100124601	Kỹ thuật chụp X quang 2	DH21HAY01		HK1 24-25
253	2110972	Lý Hoàng Phong	30/10/2002	Nam	010100126301	Bảo trì thiết bị hình ảnh y học	DH21HAY01		
254	192512	Ngô Châu Liêm	20/05/2001	Nam	010100126301	Bảo trì thiết bị hình ảnh y học	DH21HAY01		
255	192512	Ngô Châu Liêm	20/05/2001	Nam	010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	DH21HAY01		
256	192512	Ngô Châu Liêm	20/05/2001	Nam	010100125001	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	DH21HAY01		
257	212008	Nguyễn Hoàng Dũng	27/04/2003	Nam	010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	DH21HAY01		
258	202418	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	25/07/2002	Nữ	010100126301	Bảo trì thiết bị hình ảnh y học	DH21HAY01		
259	202418	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	25/07/2002	Nữ	010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	DH21HAY01		
260	202418	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	25/07/2002	Nữ	010100125001	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	DH21HAY01		
261	210257	Trần Huy Hoàng	01/01/2003	Nam	010100124901	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	DH21HAY01		HK1 24-25
262	1810345	Võ Anh Kiệt	04/01/1999	Nam	010100126301	Bảo trì thiết bị hình ảnh y học	DH21HAY01		
263	1810345	Võ Anh Kiệt	04/01/1999	Nam	010100125101	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ (MRI)	DH21HAY01		
264	1810345	Võ Anh Kiệt	04/01/1999	Nam	010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	DH21HAY01		
265	1810345	Võ Anh Kiệt	04/01/1999	Nam	010100125001	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	DH21HAY01		
266	1810345	Võ Anh Kiệt	01/04/1999	Nam	010100124601	Kỹ thuật chụp X quang 2	DH21HAY01		HK1 24-25
267	1810345	Võ Anh Kiệt	01/04/1999	Nam	010100124901	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	DH21HAY01		HK1 24-25
268	210697	Vương Bá Đương	04/09/2003	Nam	010100126301	Bảo trì thiết bị hình ảnh y học	DH21HAY01		
269	210697	Vương Bá Đương	04/09/2003	Nam	010100151201	Kỹ thuật chụp X quang 3	DH21HAY01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
270	219318	Vương Tú Nguyệt	15/02/2000	Nữ	010100125001	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	DH21HAY01		
271	219318	Vương Tú Nguyệt	15/02/2000	Nữ	010100124601	Kỹ thuật chụp X quang 2	DH21HAY01		HK1 24-25
272	219685	Nguyễn Huỳnh Khôi	06/04/2003	Nam	010100231901	Công nghệ IoT	DH21KMT01		
273	2110237	Nguyễn Tiến Thành	17/05/2003	Nam	010100231904	Công nghệ IoT	DH21KMT01		
274	2110237	Nguyễn Tiến Thành	17/05/2003	Nam	010100181302	Hệ thống gợi ý	DH21KMT01		
275	2110237	Nguyễn Tiến Thành	17/05/2003	Nam	010100061511	Hệ thống thông tin quản lý	DH21KMT01		
276	2110237	Nguyễn Tiến Thành	17/05/2003	Nam	010100232102	Phân tích dữ liệu trực quan	DH21KMT01		
277	2110237	Nguyễn Tiến Thành	17/05/2003	Nam	010100229601	Pháp luật về công nghệ thông tin	DH21KMT01		
278	2110124	Nguyễn Võ Quang Huy	27/11/2003	Nam	010100061501	Hệ thống thông tin quản lý	DH21KMT01		
279	2110429	Phạm Quốc Thiên	24/03/2003	Nam	010100231904	Công nghệ IoT	DH21KMT01		
280	2110429	Phạm Quốc Thiên	24/03/2003	Nam	010100181302	Hệ thống gợi ý	DH21KMT01		
281	2110429	Phạm Quốc Thiên	24/03/2003	Nam	010100061511	Hệ thống thông tin quản lý	DH21KMT01		
282	2110429	Phạm Quốc Thiên	24/03/2003	Nam	010100232102	Phân tích dữ liệu trực quan	DH21KMT01		
283	2110429	Phạm Quốc Thiên	24/03/2003	Nam	010100229601	Pháp luật về công nghệ thông tin	DH21KMT01		
284	2110783	Phạm Thành Nam	16/05/2003	Nam	010100232102	Phân tích dữ liệu trực quan	DH21KMT01		
285	2110337	Phan Thành Trung	09/02/2003	Nam	010100231904	Công nghệ IoT	DH21KMT01		
286	2110337	Phan Thành Trung	09/02/2003	Nam	010100061511	Hệ thống thông tin quản lý	DH21KMT01		
287	2110337	Phan Thành Trung	09/02/2003	Nam	010100232102	Phân tích dữ liệu trực quan	DH21KMT01		
288	2110703	Võ Thành Đạt	19/08/2003	Nam	010100231901	Công nghệ IoT	DH21KMT01		
289	2110703	Võ Thành Đạt	19/08/2003	Nam	010100181301	Hệ thống gợi ý	DH21KMT01		
290	2110703	Võ Thành Đạt	19/08/2003	Nam	010100061501	Hệ thống thông tin quản lý	DH21KMT01		
291	2110703	Võ Thành Đạt	19/08/2003	Nam	010100232101	Phân tích dữ liệu trực quan	DH21KMT01		
292	2110703	Võ Thành Đạt	19/08/2003	Nam	010100229601	Pháp luật về công nghệ thông tin	DH21KMT01		
293	213891	Bùi Trọng Phúc	19/01/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
294	210923	Dương Tấn Phát	30/10/2003	Nam	010100231902	Công nghệ IoT	DH21KPM01		
295	210923	Dương Tấn Phát	30/10/2003	Nam	010100181101	Công nghệ XML	DH21KPM01		
296	210923	Dương Tấn Phát	30/10/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
297	210923	Dương Tấn Phát	30/10/2003	Nam	010100107701	Lập trình thiết bị di động	DH21KPM01		
298	210923	Dương Tấn Phát	30/10/2003	Nam	010100101701	Quản lý dự án công nghệ thông tin	DH21KPM01		
299	214136	Huỳnh Cao Thành Tâm	03/11/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
300	214361	Huỳnh Thanh Nhân	24/09/2003	Nam	010100231902	Công nghệ IoT	DH21KPM01		
301	214361	Huỳnh Thanh Nhân	24/09/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
302	213815	Lê Thành Đạt	21/03/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
303	214360	Lương Bảo Ngọc	17/12/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
304	214304	Mai Tấn Phát	06/05/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
305	214088	Nguyễn Bá Hàn	17/08/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
306	212033	Nguyễn Hà Đăng Khôi	10/04/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
307	214366	Nguyễn Hoàng Quý	03/03/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
308	213766	Nguyễn Minh Tiến	14/06/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
309	213832	Nguyễn Minh Tuấn	08/01/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
310	213240	Nguyễn Nhật Phú	19/06/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
311	214202	Nguyễn Quang Vũ	13/11/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
312	214247	Nguyễn Quốc Cường	18/02/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
313	211125	Nguyễn Tấn Nghiệp	28/04/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
314	214165	Nguyễn Tấn Vĩ Khương	09/04/2000	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
315	214028	Nguyễn Thành Đạt	16/12/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
316	213477	Nguyễn Thành Phong	07/12/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
317	213822	Nguyễn Thế Nhân	23/05/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
318	213943	Nguyễn Tiến Hưng	11/07/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
319	214238	Nguyễn Vũ Luân	07/07/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
320	213955	Phạm Gia Huy	15/08/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
321	214358	Phan Võ Anh Thư	03/03/2003	Nữ	010100231902	Công nghệ IoT	DH21KPM01		
322	214358	Phan Võ Anh Thư	03/03/2003	Nữ	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
323	214408	Tạ Hồng Duy	10/04/2003	Nam	010100231902	Công nghệ IoT	DH21KPM01		
324	214408	Tạ Hồng Duy	10/04/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
325	214344	Trương Mạnh Huỳnh	31/10/2003	Nam	010100145601	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM01		
326	219423	Bùi Hoàng Phúc	07/08/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
327	219328	Đào Thanh Nghị	12/11/2003	Nam	010100231903	Công nghệ IoT	DH21KPM02		
328	219328	Đào Thanh Nghị	12/11/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
329	219328	Đào Thanh Nghị	12/11/2003	Nam	010100107702	Lập trình thiết bị di động	DH21KPM02		
330	219328	Đào Thanh Nghị	12/11/2003	Nam	010100101702	Quản lý dự án công nghệ thông tin	DH21KPM02		
331	219540	Đỗ Quang Khải	08/02/2003	Nam	010100231903	Công nghệ IoT	DH21KPM02		
332	219540	Đỗ Quang Khải	08/02/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
333	219540	Đỗ Quang Khải	08/02/2003	Nam	010100107702	Lập trình thiết bị di động	DH21KPM02		
334	219540	Đỗ Quang Khải	08/02/2003	Nam	010100101702	Quản lý dự án công nghệ thông tin	DH21KPM02		
335	214496	Hà Quốc Khởi	25/02/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
336	219957	Lê Nguyễn Minh Ngọc	18/04/2003	Nữ	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
337	219780	Lê Nhựt Chí Nguyễn	07/02/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
338	219497	Lê Phúc Hậu	16/08/2003	Nam	010100231903	Công nghệ IoT	DH21KPM02		
339	219497	Lê Phúc Hậu	16/08/2003	Nam	010100181102	Công nghệ XML	DH21KPM02		
340	219497	Lê Phúc Hậu	16/08/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
341	219657	Lý Trí Phúc	19/11/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
342	219576	Nguyễn Chí Công	15/02/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
343	2110782	Nguyễn Chí Nhân	29/10/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
344	2110482	Nguyễn Hoàng Phi	20/12/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
345	219886	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên	05/03/2003	Nữ	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
346	2110411	Nguyễn Nhựt Quang	24/07/2002	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
347	214501	Nguyễn Phú Thịnh	05/04/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
348	219683	Nguyễn Quang Linh	24/05/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
349	219682	Sơn Hồng Quyên	18/11/2003	Nữ	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
350	219585	Trần Anh Huy	06/11/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
351	219596	Trần Bảo Huy	24/09/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
352	219852	Trần Thanh Toàn	02/08/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
353	219632	Trần Văn Khan	10/08/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
354	219477	Trịnh Văn Ngọc Đình	08/11/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
355	2110330	Trương Hoàng Hiếu	02/10/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
356	219563	Trương Thanh Lộc	05/12/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
357	219850	Võ Đức Thịnh	07/03/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
358	219384	Võ Hình Hoài Niệm	02/03/2003	Nam	010100231903	Công nghệ IoT	DH21KPM02		
359	219384	Võ Hình Hoài Niệm	02/03/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
360	219384	Võ Hình Hoài Niệm	02/03/2003	Nam	010100107702	Lập trình thiết bị di động	DH21KPM02		
361	219384	Võ Hình Hoài Niệm	02/03/2003	Nam	010100101702	Quản lý dự án công nghệ thông tin	DH21KPM02		
362	219758	Võ Minh Đức Hòa	01/12/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
363	219478	Võ Minh Lý	05/03/2003	Nam	010100145602	Kiểm thử phần mềm	DH21KPM02		
364	212854	Đỗ Tiến Đạt	25/09/2003	Nam	010100164301	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	DH21KQT01		
365	214368	Lương Kim Ngân	23/11/2003	Nữ	010100164701	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT01		
366	214279	Nguyễn Châu Phương Hòa	15/03/2003	Nữ	010100164701	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT01		
367	211366	Quách Đoàn Gia Thịnh	10/05/2003	Nam	010100216603	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KQT01		
368	211195	Võ Duy Khang	24/02/2002	Nam	010100164301	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	DH21KQT01		
369	211195	Võ Duy Khang	24/02/2002	Nam	010100216603	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KQT01		
370	211195	Võ Duy Khang	24/02/2002	Nam	010100164701	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT01		
371	210430	Huỳnh Khánh Ngọc	28/03/2003	Nữ	010100164302	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	DH21KQT02		
372	210430	Huỳnh Khánh Ngọc	28/03/2003	Nữ	010100216604	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KQT02		
373	210430	Huỳnh Khánh Ngọc	28/03/2003	Nữ	010100164702	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT02		
374	219606	Nguyễn Hồng Yến	25/10/2003	Nữ	010100216604	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KQT02		
375	219606	Nguyễn Hồng Yến	25/10/2003	Nữ	010100164702	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT02		
376	219995	Nguyễn Minh Như	30/04/2003	Nữ	010100164302	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	DH21KQT02		
377	219995	Nguyễn Minh Như	30/04/2003	Nữ	010100216604	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KQT02		
378	219995	Nguyễn Minh Như	30/04/2003	Nữ	010100164702	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT02		
379	219753	Nguyễn Phạm Minh Anh	23/08/2003	Nữ	010100164302	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	DH21KQT02		
380	219753	Nguyễn Phạm Minh Anh	23/08/2003	Nữ	010100216604	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KQT02		
381	219753	Nguyễn Phạm Minh Anh	23/08/2003	Nữ	010100164702	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT02		
382	2110051	Nguyễn Thị Uyển Nhi	06/03/2003	Nữ	010100164302	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	DH21KQT02		
383	2110051	Nguyễn Thị Uyển Nhi	06/03/2003	Nữ	010100216604	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KQT02		
384	2110051	Nguyễn Thị Uyển Nhi	06/03/2003	Nữ	010100164702	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT02		
385	219806	Phan Thị Hồng Yến	29/03/2003	Nữ	010100164302	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	DH21KQT02		
386	219806	Phan Thị Hồng Yến	29/03/2003	Nữ	010100216604	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KQT02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
387	219806	Phan Thị Hồng Yến	29/03/2003	Nữ	010100164702	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT02		
388	219742	Phùng Thiên Phúc	29/11/2003	Nam	010100164702	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT02		
389	219916	Trịnh Trúc Lam	03/09/2003	Nữ	010100164702	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT02		
390	219703	Trương Kim Ngọc Tiên	03/03/2003	Nữ	010100164302	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	DH21KQT02		
391	219703	Trương Kim Ngọc Tiên	03/03/2003	Nữ	010100216604	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KQT02		
392	219703	Trương Kim Ngọc Tiên	03/03/2003	Nữ	010100164702	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	DH21KQT02		
393	2110412	Nguyễn Lý Ngân	05/10/2003	Nam	010100103801	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO01		
394	2110412	Nguyễn Lý Ngân	05/10/2003	Nam	010100216605	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO01		
395	2110412	Nguyễn Lý Ngân	05/10/2003	Nam	010100075001	Phân tích báo cáo tài chính	DH21KTO01		
396	2110412	Nguyễn Lý Ngân	05/10/2003	Nam	010100082501	Thị trường tài chính	DH21KTO01		
397	211158	Nguyễn Ngọc Nhi	07/06/2003	Nữ	010100103801	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO01		
398	210768	Nguyễn Thị Bảo Trâm	29/10/2003	Nữ	010100103801	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO01		
399	210768	Nguyễn Thị Bảo Trâm	29/10/2003	Nữ	010100082501	Thị trường tài chính	DH21KTO01		
400	210045	Ong Diễm Huỳnh	12/04/2002	Nữ	010100103801	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO01		
401	210045	Ong Diễm Huỳnh	12/04/2002	Nữ	010100082501	Thị trường tài chính	DH21KTO01		
402	210096	Trần Huỳnh Thảo Vân	18/09/2003	Nữ	010100082501	Thị trường tài chính	DH21KTO01		
403	210387	Trần Quang Thông	10/03/2003	Nam	010100103801	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO01		
404	210387	Trần Quang Thông	10/03/2003	Nam	010100216605	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO01		
405	210387	Trần Quang Thông	10/03/2003	Nam	010100075001	Phân tích báo cáo tài chính	DH21KTO01		
406	210387	Trần Quang Thông	10/03/2003	Nam	010100082501	Thị trường tài chính	DH21KTO01		
407	210343	Trương Quốc Thịnh	09/10/2003	Nam	010100103801	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO01		
408	210343	Trương Quốc Thịnh	09/10/2003	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21KTO01	DH21LOG01	
409	219325	Hà Tiểu Nhạn	19/10/2003	Nữ	010100103802	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO02		
410	212610	Mai Trường Khả	24/08/2002	Nam	010100103802	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO02		
411	212610	Mai Trường Khả	24/08/2002	Nam	010100216606	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO02		
412	212610	Mai Trường Khả	24/08/2002	Nam	010100075002	Phân tích báo cáo tài chính	DH21KTO02		
413	212610	Mai Trường Khả	24/08/2002	Nam	010100082502	Thị trường tài chính	DH21KTO02		
414	212849	Nguyễn Hoàng Khang Hy	19/05/2003	Nam	010100103802	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO02		
415	212849	Nguyễn Hoàng Khang Hy	19/05/2003	Nam	010100216606	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO02		
416	211602	Nguyễn Thị Huyền Trân	15/06/2003	Nữ	010100103802	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO02		
417	211602	Nguyễn Thị Huyền Trân	15/06/2003	Nữ	010100082502	Thị trường tài chính	DH21KTO02		
418	212506	Phạm Thảo Trang	28/08/2003	Nữ	010100103802	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO02		
419	212871	Trần Thị Anh Thư	16/02/2003	Nữ	010100103802	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO02		
420	212871	Trần Thị Anh Thư	16/02/2003	Nữ	010100216606	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO02		
421	212871	Trần Thị Anh Thư	16/02/2003	Nữ	010100075002	Phân tích báo cáo tài chính	DH21KTO02		
422	212871	Trần Thị Anh Thư	16/02/2003	Nữ	010100082502	Thị trường tài chính	DH21KTO02		
423	212071	Trần Thị Diệu Dàng	11/06/2003	Nữ	010100216606	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO02		
424	212465	Đặng Nguyễn Hồng Ngọc	28/08/2002	Nữ	010100082503	Thị trường tài chính	DH21KTO03		
425	214097	Lê Xuân Khải	18/09/2003	Nam	010100103803	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO03		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
426	214097	Lê Xuân Khải	18/09/2003	Nam	010100216607	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO03		
427	214097	Lê Xuân Khải	18/09/2003	Nam	010100075003	Phân tích báo cáo tài chính	DH21KTO03		
428	214097	Lê Xuân Khải	18/09/2003	Nam	010100082503	Thị trường tài chính	DH21KTO03		
429	213818	Mai Xuân Tình	04/08/2003	Nam	010100103803	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO03		
430	213818	Mai Xuân Tình	04/08/2003	Nam	010100216607	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO03		
431	213818	Mai Xuân Tình	04/08/2003	Nam	010100075003	Phân tích báo cáo tài chính	DH21KTO03		
432	213818	Mai Xuân Tình	04/08/2003	Nam	010100082503	Thị trường tài chính	DH21KTO03		
433	213661	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	15/07/2003	Nữ	010100103803	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO03		
434	213661	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	15/07/2003	Nữ	010100216607	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO03		
435	213661	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	15/07/2003	Nữ	010100075003	Phân tích báo cáo tài chính	DH21KTO03		
436	213661	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	15/07/2003	Nữ	010100082503	Thị trường tài chính	DH21KTO03		
437	213636	Nguyễn Thị Nguyệt Thanh	28/09/2003	Nữ	010100103803	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO03		
438	212923	Trần Nguyễn Tuyết Duy	07/11/2003	Nữ	010100103803	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO03		
439	212923	Trần Nguyễn Tuyết Duy	07/11/2003	Nữ	010100216607	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21KTO03		
440	212923	Trần Nguyễn Tuyết Duy	07/11/2003	Nữ	010100075003	Phân tích báo cáo tài chính	DH21KTO03		
441	212923	Trần Nguyễn Tuyết Duy	07/11/2003	Nữ	010100082503	Thị trường tài chính	DH21KTO03		
442	213782	Trần Tú Quyên	15/07/2003	Nữ	010100103803	Chuẩn mực kế toán	DH21KTO03		
443	213782	Trần Tú Quyên	15/07/2003	Nữ	010100082503	Thị trường tài chính	DH21KTO03		Miễn lệ phí
444	211698	Đỗ Thị Hồng Hạnh	18/03/2003	Nữ	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
445	212091	Đoàn Lê Minh	15/07/2003	Nam	010100142701	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng	DH21LKT01		
446	212091	Đoàn Lê Minh	15/07/2003	Nam	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
447	212091	Đoàn Lê Minh	15/07/2003	Nam	010100068101	Luật đầu tư	DH21LKT01		
448	212091	Đoàn Lê Minh	15/07/2003	Nam	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
449	212091	Đoàn Lê Minh	15/07/2003	Nam	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
450	212091	Đoàn Lê Minh	15/07/2003	Nam	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
451	210632	Dương Mỹ Quân	31/08/2003	Nữ	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
452	213838	Hồ Như Anh	22/08/2003	Nữ	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
453	212907	Hồ Thanh Đông	15/02/2003	Nam	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
454	212907	Hồ Thanh Đông	15/02/2003	Nam	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
455	219612	Huỳnh Kim Chi	13/11/2003	Nữ	010100142701	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng	DH21LKT01		
456	219612	Huỳnh Kim Chi	13/11/2003	Nữ	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
457	219612	Huỳnh Kim Chi	13/11/2003	Nữ	010100068101	Luật đầu tư	DH21LKT01		
458	219612	Huỳnh Kim Chi	13/11/2003	Nữ	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
459	219612	Huỳnh Kim Chi	13/11/2003	Nữ	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
460	219612	Huỳnh Kim Chi	13/11/2003	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
461	211984	Lai Đại Lộc	14/10/2003	Nam	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
462	214022	Lê Gia Bảo	27/10/2003	Nam	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
463	214022	Lê Gia Bảo	27/10/2003	Nam	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
464	211559	Lê Thùy Dương	17/07/2003	Nữ	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
465	211559	Lê Thùy Dương	17/07/2003	Nữ	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
466	210271	Ngô Hải Nam	11/07/2003	Nam	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
467	210271	Ngô Hải Nam	11/07/2003	Nam	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
468	212710	Nguyễn Cẩm Giang	01/09/2003	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
469	210818	Nguyễn Đại Phúc	24/05/2003	Nam	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
470	203702	Nguyễn Hồng Ngân	31/08/2002	Nữ	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
471	203702	Nguyễn Hồng Ngân	31/08/2002	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
472	211949	Nguyễn Minh Hào	31/10/2003	Nam	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
473	211018	Nguyễn Ngọc Hân	13/03/2002	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
474	213345	Nguyễn Thị Xuân Mai	28/03/2003	Nữ	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
475	213345	Nguyễn Thị Xuân Mai	28/03/2003	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
476	211145	Nguyễn Trần Tuyết Minh	04/12/2002	Nữ	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
477	211145	Nguyễn Trần Tuyết Minh	04/12/2002	Nữ	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
478	211145	Nguyễn Trần Tuyết Minh	04/12/2002	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
479	210970	Phạm Ngọc Kim Cương	28/06/2003	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
480	214144	Phạm Thị Như Huỳnh	03/12/2003	Nữ	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
481	210303	Phạm Thiên Lý	22/08/2003	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
482	210844	Phan Thanh Huy	08/05/2003	Nam	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
483	211172	Phan Tiểu Kiệt	29/01/2003	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
484	212015	Trần Hồng Ngọc	22/07/2003	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
485	210394	Trần Thị Huệ Linh	25/04/2003	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
486	211527	Trần Tiến Dũng	05/12/2003	Nam	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
487	211527	Trần Tiến Dũng	05/12/2003	Nam	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
488	214459	Trần Văn Hóa	18/09/2002	Nam	010100142701	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng	DH21LKT01		
489	214459	Trần Văn Hóa	18/09/2002	Nam	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
490	214459	Trần Văn Hóa	18/09/2002	Nam	010100068101	Luật đầu tư	DH21LKT01		
491	214459	Trần Văn Hóa	18/09/2002	Nam	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
492	214459	Trần Văn Hóa	18/09/2002	Nam	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
493	214459	Trần Văn Hóa	18/09/2002	Nam	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
494	203411	Trương Tú Nhi	10/03/2001	Nữ	010100142701	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng	DH21LKT01		
495	203411	Trương Tú Nhi	10/03/2001	Nữ	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
496	203411	Trương Tú Nhi	10/03/2001	Nữ	010100068101	Luật đầu tư	DH21LKT01		
497	203411	Trương Tú Nhi	10/03/2001	Nữ	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
498	203411	Trương Tú Nhi	10/03/2001	Nữ	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
499	203411	Trương Tú Nhi	10/03/2001	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
500	203411	Trương Tú Nhi	10/03/2001	Nữ	010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LKT01	DH21LUA01	
501	211397	Tường Ngô Hồng	30/07/2003	Nữ	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
502	219437	Võ Kim Phụng	02/02/2003	Nữ	010100069101	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT01		
503	219437	Võ Kim Phụng	02/02/2003	Nữ	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
504	210838	Võ Thị Ngọc Diệp	25/07/2002	Nữ	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
505	212109	Võ Văn Lộc	03/01/2003	Nam	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
506	214354	Vũ Thị Mai	17/04/2002	Nữ	010100142201	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT01		
507	214354	Vũ Thị Mai	17/04/2002	Nữ	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT01		
508	214354	Vũ Thị Mai	17/04/2002	Nữ	010100070701	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT01		
509	212663	Hồ Minh Thường	19/01/2003	Nam	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
510	212663	Hồ Minh Thường	19/01/2003	Nam	010100070702	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT02		
511	219630	Huỳnh Thái Tuấn	16/03/2003	Nam	010100142702	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng	DH21LKT02		
512	219630	Huỳnh Thái Tuấn	16/03/2003	Nam	010100142202	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT02		
513	219630	Huỳnh Thái Tuấn	16/03/2003	Nam	010100068102	Luật đầu tư	DH21LKT02		
514	219630	Huỳnh Thái Tuấn	16/03/2003	Nam	010100069102	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT02		
515	219630	Huỳnh Thái Tuấn	16/03/2003	Nam	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
516	219630	Huỳnh Thái Tuấn	16/03/2003	Nam	010100070702	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT02		
517	212301	Lê Hồng Thư	15/02/2003	Nữ	010100142702	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng	DH21LKT02		
518	212301	Lê Hồng Thư	15/02/2003	Nữ	010100142202	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT02		
519	212301	Lê Hồng Thư	15/02/2003	Nữ	010100069102	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT02		
520	212301	Lê Hồng Thư	15/02/2003	Nữ	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
521	212301	Lê Hồng Thư	15/02/2003	Nữ	010100070702	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT02		
522	210398	Lê Vy	17/05/2003	Nữ	010100142202	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT02		
523	210398	Lê Vy	17/05/2003	Nữ	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
524	213266	Lưu Tường Vy	27/09/2003	Nữ	010100142202	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT02		
525	211877	Lý Thanh Tuấn	08/04/2003	Nam	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
526	210154	Nguyễn An Tâm	29/12/2003	Nam	010100142202	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT02		
527	210154	Nguyễn An Tâm	29/12/2003	Nam	010100069102	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT02		
528	210154	Nguyễn An Tâm	29/12/2003	Nam	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
529	2110283	Nguyễn Duy Tuệ	29/11/2003	Nam	010100070702	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT02		
530	210717	Nguyễn Kim Tiền	15/04/2003	Nữ	010100142202	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT02		
531	210717	Nguyễn Kim Tiền	15/04/2003	Nữ	010100068102	Luật đầu tư	DH21LKT02		
532	210717	Nguyễn Kim Tiền	15/04/2003	Nữ	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
533	210145	Nguyễn Ngọc Huệ Trâm	16/05/2003	Nữ	010100069102	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT02		
534	211191	Nguyễn Trần Hoàng Thúy	05/10/2003	Nữ	010100069102	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT02		
535	211191	Nguyễn Trần Hoàng Thúy	05/10/2003	Nữ	010100070702	Luật thương mại quốc tế	DH21LKT02		
536	214284	Phạm Thị Mỹ Trân	09/09/2003	Nữ	010100069102	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT02		
537	213352	Phan Thị Ngọc Trân	02/03/2003	Nữ	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
538	210405	Quách Huyền Trinh	02/06/2003	Nữ	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
539	211138	Trần Như Ý	23/07/2003	Nữ	010100142202	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT02		
540	211138	Trần Như Ý	23/07/2003	Nữ	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
541	219847	Trần Thị Cẩm Thi	11/06/2003	Nữ	010100069102	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT02		
542	219847	Trần Thị Cẩm Thi	11/06/2003	Nữ	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
543	212348	Trần Việt Trinh	01/09/2003	Nữ	010100142202	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	DH21LKT02		
544	212348	Trần Việt Trinh	01/09/2003	Nữ	010100069102	Luật kinh doanh bất động sản	DH21LKT02		
545	212348	Trần Việt Trinh	01/09/2003	Nữ	010100069802	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LKT02		
546	2110599	Đỗ Vũ Hoàng Kỳ	20/11/2003	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
547	219777	Huỳnh Bá Hưng	29/11/2003	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
548	2110554	Lê Đoàn Thị Như Ý	15/03/2003	Nữ	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
549	210851	Lê Ngọc Trang	28/12/2003	Nữ	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
550	213878	Lữ Thị Hồng Ân	17/08/2003	Nữ	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
551	219901	Ngô Thị Thanh Thảo	20/02/2003	Nữ	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
552	210610	Nguyễn Hoài Bảo	29/05/2003	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
553	213522	Nguyễn Hoàn Nhi	18/03/1999	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
554	211512	Nguyễn Thanh Trúc	18/03/2003	Nữ	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
555	211310	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	18/07/2003	Nữ	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
556	2110555	Phạm Huỳnh Hải Đăng	27/04/2002	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
557	2110444	Phan Minh Kha	05/02/2003	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
558	212030	Trần Thế Duy	20/09/2002	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
559	219419	Trương Văn Huy	21/11/2003	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
560	2110413	Võ Thanh Sang	03/12/2003	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH21LOG01		
561	210668	Đan Thiện Mỹ	20/05/2003	Nam	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
562	210930	Danh Thiên	16/10/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
563	212640	Diệp Thành Đạt	29/11/2003	Nam	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
564	211691	Dương Thùy Phương	18/09/2003	Nữ	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
565	211554	Hồ Bảo Trân	03/02/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
566	214113	Huỳnh Minh Anh	24/10/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
567	202411	Huỳnh Phước Hưng	13/01/2002	Nam	010100129501	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA01		
568	211856	Kiều Chánh Nhật	11/10/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
569	2110927	Lê Chí Tâm	16/10/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
570	2110927	Lê Chí Tâm	16/10/2003	Nam	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
571	214377	Lê Đoàn Hải Âu	03/04/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
572	214310	Lê Minh Khang	20/10/2003	Nam	010100143701	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH21LUA01		
573	214310	Lê Minh Khang	20/10/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
574	214310	Lê Minh Khang	20/10/2003	Nam	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
575	214310	Lê Minh Khang	20/10/2003	Nam	010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA01		
576	214310	Lê Minh Khang	20/10/2003	Nam	010100129501	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA01		
577	210850	Lê Thị Ngọc Nhi	18/06/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
578	2110129	Mai Nguyễn Thành Đạt	16/01/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
579	210225	Ngô Diễm Quỳnh	10/12/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
580	214275	Ngô Kim Quỳnh	16/06/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
581	211660	Ngô Thị Huyền Trân	03/03/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
582	211660	Ngô Thị Huyền Trân	03/03/2003	Nữ	010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA01		
583	214258	Nguyễn Hà Mỹ Lan	07/02/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
584	214258	Nguyễn Hà Mỹ Lan	07/02/2003	Nữ	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
585	211758	Nguyễn Minh Ngọc	04/06/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
586	211119	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	02/06/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
587	210903	Nguyễn Nhân Ái	12/06/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
588	190938	Nguyễn Nhật Đình	09/03/2001	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
589	190938	Nguyễn Nhật Đình	09/03/2001	Nam	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
590	210498	Nguyễn Thị Kim Oanh	08/12/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
591	2110948	Nguyễn Thụy Thùy Anh	12/10/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
592	2110948	Nguyễn Thụy Thùy Anh	12/10/2003	Nữ	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
593	210857	Phan Khánh An	20/08/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
594	210857	Phan Khánh An	20/08/2003	Nam	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
595	214210	Phan Phạm Hải Âu	20/10/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
596	214210	Phan Phạm Hải Âu	20/10/2003	Nam	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
597	210624	Trần Hàng Bảo Trâm	27/10/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
598	211550	Trần Hữu Chí	20/06/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
599	212315	Trần Quang Thịnh	05/03/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
600	210431	Võ Bích Trâm	28/11/2003	Nữ	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
601	214065	Võ Đồng Thịnh	19/12/2003	Nam	010100143701	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH21LUA01		
602	214065	Võ Đồng Thịnh	19/12/2003	Nam	010100069501	Luật môi trường	DH21LUA01		
603	214065	Võ Đồng Thịnh	19/12/2003	Nam	010100070703	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA01		
604	214065	Võ Đồng Thịnh	19/12/2003	Nam	010100128601	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA01		
605	214065	Võ Đồng Thịnh	19/12/2003	Nam	010100129501	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA01		
606	213227	Võ Trung Kiên	28/02/2003	Nam	010100129501	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA01		
607	200082	Châu Kiều Phong	24/11/2001	Nam	010100143702	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH21LUA02		
608	200082	Châu Kiều Phong	24/11/2001	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
609	200082	Châu Kiều Phong	24/11/2001	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
610	200082	Châu Kiều Phong	24/11/2001	Nam	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
611	200082	Châu Kiều Phong	24/11/2001	Nam	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		
612	219865	Châu Triều Vỹ	08/04/2003	Nam	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		
613	201650	Diệp Anh	01/12/2002	Nam	010100143702	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH21LUA02		
614	201650	Diệp Anh	01/12/2002	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
615	201650	Diệp Anh	01/12/2002	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
616	201650	Diệp Anh	01/12/2002	Nam	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
617	201650	Diệp Anh	01/12/2002	Nam	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		
618	213005	Đinh Anh Hào	12/02/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
619	212616	Đinh Thị Huyền Trân	03/09/2002	Nữ	010100143702	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH21LUA02		
620	212616	Đinh Thị Huyền Trân	03/09/2002	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
621	212616	Đinh Thị Huyền Trân	03/09/2002	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
622	212616	Đinh Thị Huyền Trân	03/09/2002	Nữ	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
623	212616	Đinh Thị Huyền Trân	03/09/2002	Nữ	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		
624	213874	Đỗ Đức Quí	20/05/2003	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
625	2110806	Đỗ Lê Kim Anh	31/03/2003	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
626	213122	Hà Gia Phú	11/11/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
627	213122	Hà Gia Phú	11/11/2003	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
628	211889	Huỳnh Kiều Phương	03/04/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
629	2110331	Huỳnh Nguyệt Ngân	04/04/2003	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
630	210840	Huỳnh Thị Tuyết Lan	27/06/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
631	2110809	Huỳnh Trung Toàn	07/12/2002	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
632	202519	Lê Yến Vy	15/10/2002	Nữ	010100143702	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH21LUA02		
633	202519	Lê Yến Vy	15/10/2002	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
634	202519	Lê Yến Vy	15/10/2002	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
635	202519	Lê Yến Vy	15/10/2002	Nữ	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
636	202519	Lê Yến Vy	15/10/2002	Nữ	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		
637	2110264	Mai Hồng Minh	09/07/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
638	213303	Nguyễn Cù Ngọc Anh	27/09/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
639	213011	Nguyễn Đoàn Thanh Long	07/11/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
640	213230	Nguyễn Hoàng Thịnh	23/09/2002	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
641	213660	Nguyễn Kha Nhĩ	29/12/2003	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
642	213161	Nguyễn Minh Hiếu	05/04/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
643	213161	Nguyễn Minh Hiếu	05/04/2003	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
644	213161	Nguyễn Minh Hiếu	05/04/2003	Nam	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
645	213161	Nguyễn Minh Hiếu	05/04/2003	Nam	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		
646	212305	Nguyễn Ngọc Anh Thư	06/08/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
647	212305	Nguyễn Ngọc Anh Thư	06/08/2003	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
648	2110561	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	10/06/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
649	213376	Nguyễn Thanh Nhơn	10/05/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
650	213376	Nguyễn Thanh Nhơn	10/05/2003	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
651	213376	Nguyễn Thanh Nhơn	10/05/2003	Nam	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
652	212983	Nguyễn Thanh Phong	17/07/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
653	212983	Nguyễn Thanh Phong	17/07/2003	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
654	213152	Nguyễn Thị Cẩm Vân	15/04/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
655	212619	Nguyễn Thị Hồng Thắm	27/10/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
656	203423	Nguyễn Thị Khánh Tiên	12/09/2002	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
657	203423	Nguyễn Thị Khánh Tiên	12/09/2002	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
658	219633	Nguyễn Thị Liên Kiều	21/11/2003	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
659	219633	Nguyễn Thị Liên Kiều	21/11/2003	Nữ	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
660	189876	Nguyễn Thị Ngọc Châu	20/01/2000	Nữ	010100143702	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH21LUA02		
661	189876	Nguyễn Thị Ngọc Châu	20/01/2000	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
662	189876	Nguyễn Thị Ngọc Châu	20/01/2000	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
663	189876	Nguyễn Thị Ngọc Châu	20/01/2000	Nữ	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
664	189876	Nguyễn Thị Ngọc Châu	20/01/2000	Nữ	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		
665	2110660	Nguyễn Thị Nhật Linh	01/08/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
666	2110660	Nguyễn Thị Nhật Linh	01/08/2003	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
667	211899	Nguyễn Thị Thu Ngân	17/05/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
668	212589	Nguyễn Trọng Phúc	03/02/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
669	210918	Phạm Thị Huỳnh Như	08/11/2003	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
670	212379	Phan Thị Hiền	29/12/2003	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
671	210036	Phan Thị Như Ngọc	10/08/1995	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
672	219790	Tô Xuân Hy	26/10/2003	Nữ	010100143702	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	DH21LUA02		
673	219790	Tô Xuân Hy	26/10/2003	Nữ	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
674	219790	Tô Xuân Hy	26/10/2003	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
675	219790	Tô Xuân Hy	26/10/2003	Nữ	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
676	219790	Tô Xuân Hy	26/10/2003	Nữ	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		
677	2110876	Trần Ngọc Hân	12/06/2003	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
678	212448	Trần Tấn Bưởi	29/12/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
679	212448	Trần Tấn Bưởi	29/12/2003	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
680	212448	Trần Tấn Bưởi	29/12/2003	Nam	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
681	212448	Trần Tấn Bưởi	29/12/2003	Nam	010100129502	Pháp luật về quyền con người	DH21LUA02		
682	212216	Trần Tấn Minh	02/12/2003	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
683	212056	Trần Vạn Lợi	23/12/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
684	212343	Võ Minh Thành	25/12/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
685	212343	Võ Minh Thành	25/12/2003	Nam	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
686	212343	Võ Minh Thành	25/12/2003	Nam	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
687	219327	Võ Phú Lộc	01/04/2002	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
688	212169	Võ Văn Chơn	12/01/2003	Nam	010100069502	Luật môi trường	DH21LUA02		
689	2010607	Vương Ngọc Nhi	03/05/2002	Nữ	010100069801	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LUA02	DH21LKT01	
690	2010607	Vương Ngọc Nhi	03/05/2002	Nữ	010100070704	Luật thương mại quốc tế	DH21LUA02		
691	2010607	Vương Ngọc Nhi	03/05/2002	Nữ	010100128602	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	DH21LUA02		
692	210889	Bùi Thanh Tiên	22/06/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
693	213167	Đào Phương Cẩm Vy	21/05/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
694	211703	Huỳnh Mỹ Tiên	29/05/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
695	210815	Lê Phúc Hậu	23/02/2003	Nam	010100162901	Chiêu thị và truyền thông marketing	DH21MAR01		
696	210815	Lê Phúc Hậu	23/02/2003	Nam	010100216611	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21MAR01		
697	210815	Lê Phúc Hậu	23/02/2003	Nam	010100163801	Kỹ năng đàm phán	DH21MAR01		
698	210815	Lê Phúc Hậu	23/02/2003	Nam	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
699	210815	Lê Phúc Hậu	23/02/2003	Nam	010100163201	Quản trị quan hệ khách hàng	DH21MAR01		
700	210103	Lý Bảo Ngọc	10/08/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
701	201586	Ngô Hoài Vũ	15/10/2002	Nam	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
702	212898	Nguyễn My Đơn	14/10/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
703	211009	Nguyễn Ngọc Tú Linh	19/12/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
704	210181	Phùng Thị Mai Linh	05/04/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
705	213518	Tăng Nhã Trúc	01/10/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
706	210769	Thạch Thị Hồng Nga	18/12/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
707	210862	Trần Thảo Ngọc	06/06/2003	Nữ	010100163201	Quản trị quan hệ khách hàng	DH21MAR01		
708	210237	Trần Trung Tính	01/01/2003	Nam	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
709	210315	Vũ Trịnh Minh Hiền	18/06/2003	Nữ	010100077901	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR01		
710	211977	Đặng Hoàng Anh	12/01/2003	Nam	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
711	213723	Đinh Trọng Tình	25/04/2003	Nam	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
712	211924	Lê Cẩm Vân	29/09/2003	Nữ	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
713	213497	Lê Như Thuật	20/08/2002	Nam	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
714	211665	Ngô Thị Học Huệ	02/09/2003	Nữ	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
715	213393	Nguy Hoàng Khang	28/02/2002	Nam	010100162902	Chiêu thị và truyền thông marketing	DH21MAR02		
716	213393	Nguy Hoàng Khang	28/02/2002	Nam	010100216612	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21MAR02		
717	213393	Nguy Hoàng Khang	28/02/2002	Nam	010100163802	Kỹ năng đàm phán	DH21MAR02		
718	213393	Nguy Hoàng Khang	28/02/2002	Nam	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
719	213393	Nguy Hoàng Khang	28/02/2002	Nam	010100163202	Quản trị quan hệ khách hàng	DH21MAR02		
720	2111277	Nguyễn Chí Hào	17/05/2003	Nam	010100216612	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21MAR02		
721	2111277	Nguyễn Chí Hào	17/05/2003	Nam	010100163802	Kỹ năng đàm phán	DH21MAR02		
722	2111277	Nguyễn Chí Hào	17/05/2003	Nam	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
723	2111259	Nguyễn Nhật Huy	18/11/2002	Nam	010100162902	Chiêu thị và truyền thông marketing	DH21MAR02		
724	2111259	Nguyễn Nhật Huy	18/11/2002	Nam	010100216612	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21MAR02		
725	2111259	Nguyễn Nhật Huy	18/11/2002	Nam	010100163802	Kỹ năng đàm phán	DH21MAR02		
726	2111259	Nguyễn Nhật Huy	18/11/2002	Nam	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
727	2111259	Nguyễn Nhật Huy	18/11/2002	Nam	010100163202	Quản trị quan hệ khách hàng	DH21MAR02		
728	211581	Nguyễn Thị Huỳnh Như	28/10/2003	Nữ	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
729	2110608	Phạm Thanh Trúc	13/09/2003	Nữ	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
730	211646	Triệu Na Rít	02/03/2003	Nam	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
731	2110907	Vũ Thanh Tâm	16/10/2003	Nữ	010100077902	Quản trị dự án đầu tư	DH21MAR02		
732	219395	Huỳnh Thanh Trọng	02/08/2003	Nam	010100199801	Âm vị học	DH21NNA01		
733	219395	Huỳnh Thanh Trọng	02/08/2003	Nam	010100200301	Giao tiếp đa văn hóa	DH21NNA01		
734	219395	Huỳnh Thanh Trọng	02/08/2003	Nam	010100199701	Ngữ nghĩa học	DH21NNA01		
735	219395	Huỳnh Thanh Trọng	02/08/2003	Nam	010100206701	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA01		
736	211332	Lê Ngọc Hân	26/12/2003	Nữ	010100206701	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA01		
737	219348	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	30/09/2003	Nữ	010100199801	Âm vị học	DH21NNA01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
738	219348	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	30/09/2003	Nữ	010100200301	Giao tiếp đa văn hóa	DH21NNA01		
739	219348	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	30/09/2003	Nữ	010100199701	Ngữ nghĩa học	DH21NNA01		
740	219348	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	30/09/2003	Nữ	010100206701	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA01		
741	202130	Đặng Thị Mỹ Linh	06/07/2001	Nữ	010100199802	Âm vị học	DH21NNA02		Miễn lệ phí
742	202130	Đặng Thị Mỹ Linh	06/07/2001	Nữ	010100206702	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA02		
743	202068	Huỳnh Quang Duy	15/06/2002	Nam	010100206702	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA02		
744	211878	Nguyễn Thành Đạt	27/04/2003	Nam	010100199802	Âm vị học	DH21NNA02		
745	211878	Nguyễn Thành Đạt	27/04/2003	Nam	010100200302	Giao tiếp đa văn hóa	DH21NNA02		
746	211878	Nguyễn Thành Đạt	27/04/2003	Nam	010100206702	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA02		
747	213417	Phạm Thị Mỹ Duyên	07/10/2003	Nữ	010100199803	Âm vị học	DH21NNA03		
748	213417	Phạm Thị Mỹ Duyên	07/10/2003	Nữ	010100200303	Giao tiếp đa văn hóa	DH21NNA03		
749	213417	Phạm Thị Mỹ Duyên	07/10/2003	Nữ	010100199703	Ngữ nghĩa học	DH21NNA03		
750	213417	Phạm Thị Mỹ Duyên	07/10/2003	Nữ	010100206703	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA03		
751	202986	Trần Đại Nghĩa	14/03/2000	Nam	010100199803	Âm vị học	DH21NNA03		
752	202986	Trần Đại Nghĩa	14/03/2000	Nam	010100206703	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA03		
753	213925	Lâm Mỹ Phương	03/01/2003	Nữ	010100199804	Âm vị học	DH21NNA04		
754	212246	Lâm Ngọc Thúy Vy	21/08/2003	Nữ	010100206704	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA04		
755	214106	Nguyễn Khánh Duy	03/02/2003	Nam	010100199804	Âm vị học	DH21NNA04		
756	214106	Nguyễn Khánh Duy	03/02/2003	Nam	010100206704	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA04		
757	214235	Phạm Chí Thịnh	08/10/2003	Nam	010100199804	Âm vị học	DH21NNA04		
758	213950	Phan Đoàn Khánh Vy	14/08/2003	Nữ	010100199804	Âm vị học	DH21NNA04		
759	213950	Phan Đoàn Khánh Vy	14/08/2003	Nữ	010100199704	Ngữ nghĩa học	DH21NNA04		
760	213950	Phan Đoàn Khánh Vy	14/08/2003	Nữ	010100206704	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA04		
761	214430	Thạch Bích Phượng	08/09/2003	Nữ	010100206704	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA04		
762	214338	Trần Chí Thành	27/06/2003	Nam	010100199704	Ngữ nghĩa học	DH21NNA04		
763	214338	Trần Chí Thành	27/06/2003	Nam	010100206704	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA04		
764	213839	Trần Kim Ngân	01/08/2003	Nữ	010100206704	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA04		
765	219528	Lâm Huỳnh Anh Duy	27/07/2003	Nam	010100200305	Giao tiếp đa văn hóa	DH21NNA05		
766	219528	Lâm Huỳnh Anh Duy	27/07/2003	Nam	010100199705	Ngữ nghĩa học	DH21NNA05		
767	219528	Lâm Huỳnh Anh Duy	27/07/2003	Nam	010100206705	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA05		
768	219812	Phan Thị Hồng Ngọc	24/06/2003	Nữ	010100206705	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA05		
769	2110471	Hồ Nhật Đức Hậu	08/07/2003	Nam	010100199806	Âm vị học	DH21NNA06		
770	2110471	Hồ Nhật Đức Hậu	08/07/2003	Nam	010100200306	Giao tiếp đa văn hóa	DH21NNA06		
771	2110471	Hồ Nhật Đức Hậu	08/07/2003	Nam	010100199706	Ngữ nghĩa học	DH21NNA06		
772	2110471	Hồ Nhật Đức Hậu	08/07/2003	Nam	010100206706	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA06		
773	2110042	Lương Mỹ Trân	08/09/2003	Nữ	010100199706	Ngữ nghĩa học	DH21NNA06		
774	2110064	Ngô Khánh Vy	02/09/2003	Nữ	010100199806	Âm vị học	DH21NNA06		
775	2110064	Ngô Khánh Vy	02/09/2003	Nữ	010100200306	Giao tiếp đa văn hóa	DH21NNA06		
776	2110064	Ngô Khánh Vy	02/09/2003	Nữ	010100199706	Ngữ nghĩa học	DH21NNA06		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
777	2110064	Ngô Khánh Vy	02/09/2003	Nữ	010100206706	Phân tích diễn ngôn	DH21NNA06		
778	2110120	Nguyễn Tường Vy	23/06/2003	Nữ	010100199706	Ngữ nghĩa học	DH21NNA06		
779	2110149	Võ Thị Tuyết Nhi	01/06/2003	Nữ	010100199706	Ngữ nghĩa học	DH21NNA06		
780	210429	Bùi Minh Phúc	27/02/2003	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
781	213915	Đào Hồng Phát	06/07/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
782	210320	Dương Quí	04/07/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
783	210320	Dương Quí	04/07/2003	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO01		
784	210173	Giảng Minh Trung	29/03/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
785	210029	Lê Nhựt Phi	07/11/2001	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
786	210029	Lê Nhựt Phi	07/11/2001	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO01		
787	210029	Lê Nhựt Phi	07/11/2001	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
788	213835	Lục Qui Bảo	17/11/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
789	213475	Nguyễn Đăng Khoa	15/12/2003	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
790	213745	Nguyễn Ngọc Sang	10/08/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
791	210146	Nguyễn Phúc Minh Khang	30/12/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
792	210146	Nguyễn Phúc Minh Khang	30/12/2003	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO01		
793	210146	Nguyễn Phúc Minh Khang	30/12/2003	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
794	200748	Nguyễn Phương Nam	30/05/2002	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
795	2111122	Nguyễn Tấn Tài	28/04/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
796	2111122	Nguyễn Tấn Tài	28/04/2003	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO01		
797	2111122	Nguyễn Tấn Tài	28/04/2003	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
798	210111	Nguyễn Tuấn Anh	02/03/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
799	213519	Nguyễn Văn Sỹ Đông	20/06/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
800	213519	Nguyễn Văn Sỹ Đông	20/06/2003	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
801	210204	Phạm Gia Khanh	03/07/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
802	210098	Phan Việt Văn	03/02/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
803	210060	Tô Chí Tín	14/04/1999	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
804	210060	Tô Chí Tín	14/04/1999	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO01		
805	210060	Tô Chí Tín	14/04/1999	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
806	214119	Tổng Phước Đặng	08/07/2003	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO01		
807	214119	Tổng Phước Đặng	08/07/2003	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
808	210346	Trần Quốc Bảo	30/07/2002	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
809	202889	Trần Thanh Kha	09/05/2002	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
810	202889	Trần Thanh Kha	09/05/2002	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO01		
811	202889	Trần Thanh Kha	09/05/2002	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
812	202416	Trần Toàn Định	18/10/2002	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
813	202416	Trần Toàn Định	18/10/2002	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO01		
814	202416	Trần Toàn Định	18/10/2002	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
815	210308	Trần Trung Nghĩa	18/08/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
816	210308	Trần Trung Nghĩa	18/08/2003	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
817	213107	Trương Thành Lợi	08/08/2003	Nam	010100110301	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO01		
818	213107	Trương Thành Lợi	08/08/2003	Nam	010100109401	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO01		
819	213107	Trương Thành Lợi	08/08/2003	Nam	010100216510	Matlab ứng dụng	DH21OTO01		
820	202843	Bùi Công Minh	21/05/2002	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
821	210931	Đặng Minh Tâm	03/05/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
822	210534	Dương Ngọc Sơn	26/10/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
823	210534	Dương Ngọc Sơn	26/10/2003	Nam	010100109402	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO02		
824	210534	Dương Ngọc Sơn	26/10/2003	Nam	010100216511	Matlab ứng dụng	DH21OTO02		
825	210636	Huỳnh Phan Gia Đạt	24/07/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
826	210636	Huỳnh Phan Gia Đạt	24/07/2003	Nam	010100216511	Matlab ứng dụng	DH21OTO02		
827	211564	Lê Hoàng Huy	09/08/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
828	210883	Lê Tấn Phú	19/06/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
829	210883	Lê Tấn Phú	19/06/2003	Nam	010100109402	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO02		
830	210511	Mã Huỳnh	25/02/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
831	210983	Mã Nhất Huy	01/11/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
832	210848	Ngô Nhật Tân	27/06/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
833	210848	Ngô Nhật Tân	27/06/2003	Nam	010100109402	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO02		
834	213466	Nguyễn Chí Cường	08/01/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
835	213466	Nguyễn Chí Cường	08/01/2003	Nam	010100109402	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO02		
836	213466	Nguyễn Chí Cường	08/01/2003	Nam	010100216511	Matlab ứng dụng	DH21OTO02		
837	219399	Nguyễn Chí Thanh	17/05/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
838	210785	Nguyễn Đăng Trường	09/11/2001	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
839	211573	Nguyễn Đình Văn	23/02/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
840	210906	Nguyễn Gia Huy	23/10/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
841	210729	Nguyễn Hoàng Hải	26/10/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
842	210736	Nguyễn Nam	03/08/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
843	210885	Nguyễn Phương Đông	10/01/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
844	210663	Nguyễn Tấn Bút	21/07/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
845	213514	Nguyễn Thanh Tân	25/06/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
846	213514	Nguyễn Thanh Tân	25/06/2003	Nam	010100109402	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO02		
847	210635	Nguyễn Thanh Trọng	29/04/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
848	210286	Nguyễn Thế Huy	24/02/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
849	210286	Nguyễn Thế Huy	24/02/2003	Nam	010100216511	Matlab ứng dụng	DH21OTO02		
850	210784	Nguyễn Trọng Trí	20/10/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
851	210675	Nguyễn Văn Đạt	04/10/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
852	210671	Nguyễn Văn Hậu	07/08/2000	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
853	210671	Nguyễn Văn Hậu	07/08/2000	Nam	010100109402	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO02		
854	210671	Nguyễn Văn Hậu	07/08/2000	Nam	010100216511	Matlab ứng dụng	DH21OTO02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
855	210565	Phan Bảo Duy	25/05/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
856	210781	Quách Quốc An	29/04/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
857	213483	Quách Xuân Hiền	10/07/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
858	213483	Quách Xuân Hiền	10/07/2003	Nam	010100109402	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO02		
859	213483	Quách Xuân Hiền	10/07/2003	Nam	010100216511	Matlab ứng dụng	DH21OTO02		
860	201143	Sơn Nguyễn Phước Ngọc Thiện	14/11/2000	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
861	201143	Sơn Nguyễn Phước Ngọc Thiện	14/11/2000	Nam	010100109402	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO02		
862	201143	Sơn Nguyễn Phước Ngọc Thiện	14/11/2000	Nam	010100216511	Matlab ứng dụng	DH21OTO02		
863	210927	Tạ Vũ Phương	03/02/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
864	210960	Thạch Kim Quy	21/08/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
865	191846	Tô Hoàng Bá	06/10/2001	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
866	200077	Trần Quang Nhựt	27/04/2000	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
867	210506	Trần Thanh Toàn	30/04/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
868	210612	Trần Trường Giang	12/10/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
869	210928	Trịnh Minh Luân	18/02/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
870	213786	Trịnh Thanh Vinh	01/11/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
871	210831	Võ Trung Hậu	13/01/2003	Nam	010100110302	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO02		
872	211093	Bùi Minh Cường	23/02/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
873	211304	Bùi Nhật Anh	23/09/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
874	211202	Danh Phước Tân	11/05/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
875	213787	Diệp Ngô Tuấn Đạt	28/07/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
876	211258	Hồ Ngọc Gia Huy	10/02/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
877	213754	Hứa Hoàng Thanh Nhã	14/01/2002	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
878	211087	Huỳnh Duy Phương	26/02/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
879	211231	Huỳnh Long Khánh	08/03/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
880	211224	Huỳnh Tôn Đạt	18/02/2002	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
881	211224	Huỳnh Tôn Đạt	18/02/2002	Nam	010100216512	Matlab ứng dụng	DH21OTO03		
882	199049	Lâm Thanh Bình	19/07/2001	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
883	211159	Lê Bá Thành Ngự	03/11/2002	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
884	211159	Lê Bá Thành Ngự	03/11/2002	Nam	010100109403	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO03		
885	211574	Lê Duy Khánh	06/12/2002	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
886	211073	Lê Mạnh Hiếu	15/08/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
887	211073	Lê Mạnh Hiếu	15/08/2003	Nam	010100216512	Matlab ứng dụng	DH21OTO03		
888	211253	Lê Trần Tín	04/07/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
889	211029	Lương Hoàng Nghĩa	02/07/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
890	211029	Lương Hoàng Nghĩa	02/07/2003	Nam	010100216512	Matlab ứng dụng	DH21OTO03		
891	211270	Lương Phát Đạt	23/05/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
892	211284	Nguyễn Bình An	19/04/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
893	211259	Nguyễn Chí Thịnh	16/04/2002	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
894	211380	Nguyễn Công Thành	15/08/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
895	211380	Nguyễn Công Thành	15/08/2003	Nam	010100216512	Matlab ứng dụng	DH21OTO03		
896	211282	Nguyễn Hoàng Duy	14/04/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
897	211324	Nguyễn Minh Quang	27/02/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
898	211033	Nguyễn Thái Thuận	06/04/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
899	211033	Nguyễn Thái Thuận	06/04/2003	Nam	010100109403	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO03		
900	211279	Nguyễn Thanh Tựa	24/07/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
901	210996	Phạm Anh Huy	20/08/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
902	210996	Phạm Anh Huy	20/08/2003	Nam	010100216512	Matlab ứng dụng	DH21OTO03		
903	213749	Thạch Hoài Khang	17/08/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
904	211280	Tô Tiến Khã	21/02/2002	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
905	202893	Trần Khắc Huy	22/07/2001	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
906	211233	Trần Nam Hiếu	22/07/2003	Nam	010100110303	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO03		
907	211783	Bùi Công Nghiệp	15/09/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
908	211439	Bùi Quốc Huy	17/08/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
909	211439	Bùi Quốc Huy	17/08/2003	Nam	010100109404	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO04		
910	211439	Bùi Quốc Huy	17/08/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
911	211788	Cao Ngọc Quỳnh	22/02/2002	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
912	213606	Châu Hải Đăng	30/01/2002	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
913	211544	Đặng Hoàng Trung Nghiêm	31/12/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
914	211544	Đặng Hoàng Trung Nghiêm	31/12/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
915	211437	Đặng Thành Nguyễn	20/09/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
916	211538	Đỗ Tuấn Anh	19/05/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
917	211456	Hồ Nhật Nam	27/04/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
918	2110888	Hồng Vạn Triệu	01/01/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
919	213633	Lai Trọng Nhân	25/03/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
920	211594	Lê Đức Phúc	07/10/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
921	213523	Lê Hoàng Long	03/11/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
922	211497	Lê Hoàng Tuấn Kiệt	22/09/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
923	211770	Lê Kim Anh	22/06/2003	Nữ	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
924	213446	Lê Minh Tâm	27/06/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
925	211797	Lê Thanh Nhân	05/04/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
926	213578	Lương Công Hưng	12/09/2002	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
927	213578	Lương Công Hưng	12/09/2002	Nam	010100109404	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO04		
928	213578	Lương Công Hưng	12/09/2002	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
929	211612	Nguyễn Anh Tiến	16/09/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
930	211459	Nguyễn Đỗ Hải Triều	30/04/2002	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
931	211570	Nguyễn Hồng Phúc	25/05/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
932	211570	Nguyễn Hồng Phúc	25/05/2003	Nam	010100109404	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO04		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
933	211570	Nguyễn Hồng Phúc	25/05/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
934	211779	Nguyễn Nhật Quang	04/07/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
935	211779	Nguyễn Nhật Quang	04/07/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
936	2110934	Nguyễn Nhựt Khánh	18/05/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
937	2110934	Nguyễn Nhựt Khánh	18/05/2003	Nam	010100109404	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO04		
938	213650	Nguyễn Thành Phúc	12/01/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
939	213650	Nguyễn Thành Phúc	12/01/2003	Nam	010100109404	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO04		
940	213650	Nguyễn Thành Phúc	12/01/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
941	213451	Nguyễn Trí Tài	01/09/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
942	214018	Nguyễn Tuấn Khải	05/03/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
943	211481	Nguyễn Văn Hải Âu	05/08/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
944	211694	Nguyễn Văn Vũ Khang	15/04/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
945	211701	Phạm Quốc Thương	10/04/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
946	211701	Phạm Quốc Thương	10/04/2003	Nam	010100109404	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO04		
947	211701	Phạm Quốc Thương	10/04/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
948	211677	Phạm Tuấn Anh	12/02/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
949	213499	Phạm Văn Tâm	28/08/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
950	211454	Phan Tấn Toàn	10/11/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
951	211794	Thạch Kim Thành Luân	30/05/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
952	212881	Thạch Thanh Quang	20/09/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
953	211451	Thái Tuấn Khanh	25/03/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
954	211451	Thái Tuấn Khanh	25/03/2003	Nam	010100109404	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO04		
955	211451	Thái Tuấn Khanh	25/03/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
956	211552	Trần Hữu Nghị	18/03/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
957	211609	Trần Nhựt Hào	21/09/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
958	210399	Trần Tiến Tài	23/11/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
959	210399	Trần Tiến Tài	23/11/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
960	211740	Võ Lâm Hưng	25/05/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
961	211740	Võ Lâm Hưng	25/05/2003	Nam	010100109404	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO04		
962	211740	Võ Lâm Hưng	25/05/2003	Nam	010100216513	Matlab ứng dụng	DH21OTO04		
963	211807	Vũ Hoàng Chiêu	29/11/2003	Nam	010100110304	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO04		
964	2110131	Hoàng Minh Luận	22/09/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
965	2110947	Huỳnh Hoàng Duy	08/04/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
966	212014	Huỳnh Lê Quốc Sơn	16/10/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
967	212014	Huỳnh Lê Quốc Sơn	16/10/2003	Nam	010100109405	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO05		
968	212014	Huỳnh Lê Quốc Sơn	16/10/2003	Nam	010100216506	Matlab ứng dụng	DH21OTO05		
969	212021	Lê Nhật Khang	16/06/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
970	212118	Lê Phát Tài	20/06/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
971	212118	Lê Phát Tài	20/06/2003	Nam	010100109405	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO05		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
972	212118	Lê Phát Tài	20/06/2003	Nam	010100216506	Matlab ứng dụng	DH21OTO05		
973	212221	Nguyễn Ngọc Hữu Thịnh	06/03/2003	Nam	010100216506	Matlab ứng dụng	DH21OTO05		
974	2111214	Nguyễn Phạm Gia Quý	17/12/2002	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
975	2111214	Nguyễn Phạm Gia Quý	17/12/2002	Nam	010100109405	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO05		
976	2111214	Nguyễn Phạm Gia Quý	17/12/2002	Nam	010100216506	Matlab ứng dụng	DH21OTO05		
977	211941	Nguyễn Trí Tài	27/01/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
978	212272	Nguyễn Tuấn Khanh	26/09/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
979	212150	Nguyễn Viết Huy	03/02/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
980	219761	Trần Hải Linh	24/07/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
981	219761	Trần Hải Linh	24/07/2003	Nam	010100109405	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO05		
982	219761	Trần Hải Linh	24/07/2003	Nam	010100216506	Matlab ứng dụng	DH21OTO05		
983	212203	Trần Minh Trí	16/04/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
984	211893	Trần Minh Trí	01/01/2003	Nam	010100109405	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO05		
985	212210	Trần Văn Châu	02/11/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
986	212048	Trịnh Gia Huy	13/10/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
987	212048	Trịnh Gia Huy	13/10/2003	Nam	010100109405	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO05		
988	212048	Trịnh Gia Huy	13/10/2003	Nam	010100216506	Matlab ứng dụng	DH21OTO05		
989	211868	Võ Chí Thiện	31/07/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
990	211929	Võ Phú Tỷ	13/12/2003	Nam	010100110305	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO05		
991	211548	Bùi Đoàn Quang Huy	22/05/2003	Nam	010100216507	Matlab ứng dụng	DH21OTO06		
992	212738	Cao Minh Kỳ	17/03/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
993	212738	Cao Minh Kỳ	17/03/2003	Nam	010100109406	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO06		
994	212738	Cao Minh Kỳ	17/03/2003	Nam	010100216507	Matlab ứng dụng	DH21OTO06		
995	201295	Cao Văn Hào	19/07/2001	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
996	201295	Cao Văn Hào	19/07/2001	Nam	010100109406	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO06		
997	201295	Cao Văn Hào	19/07/2001	Nam	010100216507	Matlab ứng dụng	DH21OTO06		
998	214363	Châu Hoàng Hiếu	18/11/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
999	214363	Châu Hoàng Hiếu	18/11/2003	Nam	010100216507	Matlab ứng dụng	DH21OTO06		
1000	212538	Đặng Kim Quang	26/08/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
1001	212538	Đặng Kim Quang	26/08/2003	Nam	010100109406	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO06		
1002	212538	Đặng Kim Quang	26/08/2003	Nam	010100216507	Matlab ứng dụng	DH21OTO06		
1003	212364	Lê Chí Tính	31/12/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
1004	212364	Lê Chí Tính	31/12/2003	Nam	010100109406	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO06		
1005	212364	Lê Chí Tính	31/12/2003	Nam	010100216507	Matlab ứng dụng	DH21OTO06		
1006	212404	Lê Hoài An	13/11/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
1007	212404	Lê Hoài An	13/11/2003	Nam	010100109406	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO06		
1008	212404	Lê Hoài An	13/11/2003	Nam	010100216507	Matlab ứng dụng	DH21OTO06		
1009	212644	Lê Nguyễn Khánh Duy	02/06/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
1010	212577	Mai Chí Hiền	02/10/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1011	212608	Nguyễn Hồng Đức	03/04/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
1012	212608	Nguyễn Hồng Đức	03/04/2003	Nam	010100216507	Matlab ứng dụng	DH21OTO06		
1013	211710	Nguyễn Văn Hào	16/10/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
1014	201351	Phạm Nhật Tường	29/09/2001	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
1015	201351	Phạm Nhật Tường	29/09/2001	Nam	010100109406	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO06		
1016	201351	Phạm Nhật Tường	29/09/2001	Nam	010100216507	Matlab ứng dụng	DH21OTO06		
1017	212604	Trương Phú Thịnh	15/02/2003	Nam	010100110306	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO06		
1018	213124	Đỗ Đức Đạt	07/04/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1019	212855	Dương Thanh Nhả	09/01/2003	Nam	010100216508	Matlab ứng dụng	DH21OTO07		
1020	213069	Huỳnh Văn Huy	11/11/2003	Nam	010100216508	Matlab ứng dụng	DH21OTO07		
1021	219828	Lâm Minh Thức	05/04/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1022	212896	Lê Hoàng Nhí	07/06/2003	Nam	010100216508	Matlab ứng dụng	DH21OTO07		
1023	212920	Lê Minh Pha	10/12/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1024	212918	Lê Minh Thi	12/10/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1025	212762	Lê Ngọc Trọng	07/12/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1026	214091	Mai Đăng Khoa	23/03/2002	Nam	010100216508	Matlab ứng dụng	DH21OTO07		
1027	212938	Nguyễn Mai Nguyễn	27/07/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1028	212797	Nguyễn Nhất Nông	27/11/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1029	212759	Nguyễn Nhật Duy	17/10/2003	Nam	010100216508	Matlab ứng dụng	DH21OTO07		
1030	212972	Phan Trung Hiếu	30/09/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1031	212972	Phan Trung Hiếu	30/09/2003	Nam	010100109407	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO07		
1032	213021	Phùng Bảo Hoàng	13/02/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1033	213021	Phùng Bảo Hoàng	13/02/2003	Nam	010100216508	Matlab ứng dụng	DH21OTO07		
1034	213002	Trần Đắc Đăng Thừng	20/11/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1035	212793	Trần Quốc Khánh	26/05/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1036	213074	Trần Quốc Khánh	27/07/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1037	212766	Trang Diệp Cao Đình	07/03/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1038	212766	Trang Diệp Cao Đình	07/03/2003	Nam	010100216508	Matlab ứng dụng	DH21OTO07		
1039	212935	Trương Trọng Nguyễn	09/05/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1040	212935	Trương Trọng Nguyễn	09/05/2003	Nam	010100216508	Matlab ứng dụng	DH21OTO07		
1041	211098	Võ Trường Thịnh	01/03/2003	Nam	010100110307	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO07		
1042	213970	Đặng Phương Nam	08/07/2002	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1043	213970	Đặng Phương Nam	08/07/2002	Nam	010100109408	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO08		
1044	213970	Đặng Phương Nam	08/07/2002	Nam	010100216509	Matlab ứng dụng	DH21OTO08		
1045	213267	Đồng Phan Thanh Hào	10/05/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1046	213267	Đồng Phan Thanh Hào	10/05/2003	Nam	010100109408	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO08		
1047	213267	Đồng Phan Thanh Hào	10/05/2003	Nam	010100216509	Matlab ứng dụng	DH21OTO08		
1048	213329	Dư Phước Tường	28/02/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1049	213439	Huỳnh Nhật Hào	05/08/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1050	213439	Huỳnh Nhật Hào	05/08/2003	Nam	010100216509	Matlab ứng dụng	DH21OTO08		
1051	213292	Huỳnh Văn Trọn	12/11/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1052	213292	Huỳnh Văn Trọn	12/11/2003	Nam	010100216509	Matlab ứng dụng	DH21OTO08		
1053	214443	Lê Thành Phát	15/08/2003	Nam	010100216509	Matlab ứng dụng	DH21OTO08		
1054	214105	Lê Trung Tín	08/02/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1055	213308	Lư Minh Khánh	16/08/2002	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1056	213354	Nguyễn Anh Tuấn	01/11/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1057	213354	Nguyễn Anh Tuấn	01/11/2003	Nam	010100109408	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO08		
1058	213354	Nguyễn Anh Tuấn	01/11/2003	Nam	010100216509	Matlab ứng dụng	DH21OTO08		
1059	213402	Nguyễn Khang	28/08/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1060	213190	Nguyễn Ngọc Thuận	16/02/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1061	213205	Nguyễn Trọng Quỳnh	25/01/2001	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1062	213205	Nguyễn Trọng Quỳnh	25/01/2001	Nam	010100109408	Kỹ thuật an toàn lao động	DH21OTO08		
1063	219587	Phạm Hoàng Tuấn	04/11/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1064	219516	Phạm Văn Lương	29/04/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1065	219516	Phạm Văn Lương	29/04/2003	Nam	010100216509	Matlab ứng dụng	DH21OTO08		
1066	213328	Thái Minh Nhựt	20/11/2003	Nam	010100216509	Matlab ứng dụng	DH21OTO08		
1067	213278	Triệu Hoàng Phúc	12/02/2003	Nam	010100110308	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	DH21OTO08		
1068	2110890	Lê Tấn Lộc	20/11/2003	Nam	010100075202	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QLC01		
1069	2110917	Lương Gia Minh	25/05/2003	Nam	010100174201	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	DH21QLC01		
1070	2110917	Lương Gia Minh	25/05/2003	Nam	010100075202	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QLC01		
1071	2110917	Lương Gia Minh	25/05/2003	Nam	010100077401	Quản trị chất lượng	DH21QLC01		
1072	2110917	Lương Gia Minh	25/05/2003	Nam	010100211801	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	DH21QLC01		
1073	210004	Nguyễn Hoàng Đại	16/07/2002	Nam	010100211801	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	DH21QLC01		
1074	219781	Nguyễn Khắc Trường	01/09/2003	Nam	010100075202	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QLC01		
1075	210783	Nguyễn Thanh Mừng	16/07/2003	Nam	010100075202	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QLC01		
1076	214491	Phạm Sơn Khiêm	04/06/2002	Nam	010100075202	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QLC01		
1077	219605	Phan Minh Tiến	25/02/2003	Nam	010100075202	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QLC01		
1078	199886	Đặng Ngọc Thiện	01/01/2000	Nam	010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	DH21QLD01		
1079	199886	Đặng Ngọc Thiện	01/01/2000	Nam	010100036901	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai	DH21QLD01		
1080	199886	Đặng Ngọc Thiện	01/01/2000	Nam	010100077903	Quản trị dự án đầu tư	DH21QLD01		
1081	199886	Đặng Ngọc Thiện	01/01/2000	Nam	010100037701	Quy hoạch phân bố sử dụng đất	DH21QLD01		
1082	199886	Đặng Ngọc Thiện	01/01/2000	Nam	010100039501	Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai	DH21QLD01		
1083	212087	Đặng Thị Như Ý	15/03/2003	Nữ	010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	DH21QLD01		
1084	212087	Đặng Thị Như Ý	15/03/2003	Nữ	010100036901	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai	DH21QLD01		
1085	212087	Đặng Thị Như Ý	15/03/2003	Nữ	010100077903	Quản trị dự án đầu tư	DH21QLD01		
1086	212087	Đặng Thị Như Ý	15/03/2003	Nữ	010100037701	Quy hoạch phân bố sử dụng đất	DH21QLD01		
1087	212087	Đặng Thị Như Ý	15/03/2003	Nữ	010100039501	Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai	DH21QLD01		
1088	214223	Đỗ Anh Duy	29/11/2003	Nam	010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	DH21QLD01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1089	214371	Huỳnh Trường Huy	10/11/2003	Nam	010100077903	Quản trị dự án đầu tư	DH21QLD01		
1090	210263	Kiều Thảo An	19/04/2003	Nữ	010100077903	Quản trị dự án đầu tư	DH21QLD01		
1091	211648	Nguyễn Diệp Duy Uyên	02/01/2003	Nữ	010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	DH21QLD01		
1092	210472	Nguyễn Hữu Chính	06/01/2003	Nam	010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	DH21QLD01		
1093	210472	Nguyễn Hữu Chính	06/01/2003	Nam	010100077903	Quản trị dự án đầu tư	DH21QLD01		
1094	211725	Nguyễn Minh Kha	23/10/2003	Nam	010100077903	Quản trị dự án đầu tư	DH21QLD01		
1095	2110871	Phạm Ngọc Sơn	29/05/2003	Nam	010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	DH21QLD01		
1096	211425	Phạm Thị Kiều Mi	18/11/2003	Nữ	010100077903	Quản trị dự án đầu tư	DH21QLD01		
1097	214000	Phạm Trần Tấn Đạt	16/01/2003	Nam	010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	DH21QLD01		
1098	210767	Quách Vũ Bằng	27/05/2003	Nam	010100028201	Kinh tế tài nguyên và môi trường	DH21QLD01		
1099	210094	Dương Quốc Khang	07/11/2003	Nam	010100031601	Mô hình hóa môi trường	DH21QLT01		
1100	2111028	Lê Nguyễn Tường Vy	23/08/2003	Nữ	010100031601	Mô hình hóa môi trường	DH21QLT01		
1101	210007	Lý Thị Diễm My	22/09/2002	Nữ	010100031601	Mô hình hóa môi trường	DH21QLT01		
1102	2110959	Nguyễn Long Hồ	12/12/2003	Nam	010100031601	Mô hình hóa môi trường	DH21QLT01		
1103	2110954	Nguyễn Minh	07/08/2003	Nam	010100003801	Đánh giá tác động môi trường	DH21QLT01		
1104	2110954	Nguyễn Minh	07/08/2003	Nam	010100027901	Kiểm soát ô nhiễm không khí & tiếng ồn	DH21QLT01		
1105	2110954	Nguyễn Minh	07/08/2003	Nam	010100063901	Kiểm toán tài nguyên và môi trường	DH21QLT01		
1106	2110954	Nguyễn Minh	07/08/2003	Nam	010100038001	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	DH21QLT01		
1107	2110347	Võ Trần Anh Kiệt	20/09/2003	Nam	010100031601	Mô hình hóa môi trường	DH21QLT01		
1108	211610	Nguyễn Hoàng Phú	05/11/2003	Nam	010100199601	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD01		
1109	210807	Nguyễn Lý Thị Ngọc Trâm	30/10/2003	Nữ	010100199601	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD01		
1110	214173	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	15/08/2003	Nữ	010100199601	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD01		
1111	211915	Phạm Thị Như Huỳnh	12/08/2003	Nữ	010100199601	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD01		
1112	214030	Bùi Ngọc Hằng	08/09/2003	Nữ	010100199602	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD02		
1113	214107	Đặng Trọng Nhân	30/10/2003	Nam	010100199602	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD02		
1114	2110514	Hồ Thị Cẩm Thanh	23/02/2003	Nữ	010100199602	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD02		
1115	214033	Lê Dương Quý	21/04/2003	Nam	010100199602	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD02		
1116	2110738	Nguyễn Phú Quí	10/10/2003	Nam	010100199602	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD02		
1117	203192	Nguyễn Quang Phước	25/03/2002	Nam	010100199602	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD02		
1118	212964	Phan Hoàng Linh	06/02/2003	Nam	010100199602	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD02		
1119	2110952	Thạch Thị Anh Thư	03/03/2002	Nữ	010100199602	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD02		
1120	213449	Trịnh Lâm Trường Giang	01/12/2003	Nam	010100199602	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD02		
1121	2110334	Bùi Nguyên Khánh	26/01/2003	Nam	010100199603	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD03		
1122	213702	Châu Thị Thanh Nhân	10/06/2003	Nữ	010100199603	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD03		
1123	219360	Hồng Nhật Hào	20/01/2003	Nam	010100199603	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD03		
1124	219721	Trần Ngọc Thiên Long	17/09/2003	Nam	010100199603	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD03		
1125	2110232	Võ Thị Thùy Dương	14/04/2003	Nữ	010100199603	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTD03		
1126	213674	Bùi Đăng Quang	05/09/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1127	213527	Đặng Trần Phương Vinh	25/11/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1128	213181	Dương Nhật Minh Thùy	05/04/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1129	213183	Hà Long	19/02/2003	Nam	010100216613	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK01		
1130	213183	Hà Long	19/02/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1131	213183	Hà Long	19/02/2003	Nam	010100077501	Quản trị chiến lược	DH21QTK01		
1132	213183	Hà Long	19/02/2003	Nam	010100079311	Quản trị thương hiệu	DH21QTK01		
1133	213319	Hồ Hoàng Huy	29/12/2002	Nam	010100216613	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK01		
1134	213319	Hồ Hoàng Huy	29/12/2002	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1135	213319	Hồ Hoàng Huy	29/12/2002	Nam	010100077501	Quản trị chiến lược	DH21QTK01		
1136	213319	Hồ Hoàng Huy	29/12/2002	Nam	010100079311	Quản trị thương hiệu	DH21QTK01		
1137	212976	Huỳnh Nguyễn Kha	02/12/2001	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1138	212948	Lâm Tổ Như	12/04/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1139	213297	Lê Minh Anh	27/04/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1140	213297	Lê Minh Anh	27/04/2003	Nữ	010100079311	Quản trị thương hiệu	DH21QTK01		
1141	213503	Lê Thanh Thiên Bảo	10/07/2003	Nam	010100216613	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK01		
1142	213503	Lê Thanh Thiên Bảo	10/07/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1143	213503	Lê Thanh Thiên Bảo	10/07/2003	Nam	010100077501	Quản trị chiến lược	DH21QTK01		
1144	213503	Lê Thanh Thiên Bảo	10/07/2003	Nam	010100079311	Quản trị thương hiệu	DH21QTK01		
1145	213353	Lê Thị Hồng Tâm	09/09/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1146	213424	Lê Trung Toàn	08/07/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1147	213201	Lê Văn Đón	08/12/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1148	212863	Lê Vĩnh Cường	06/11/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1149	213530	Lư Trung Quý	05/05/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1150	212979	Lý Gia Hân	23/11/2003	Nữ	010100216613	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK01		
1151	212979	Lý Gia Hân	23/11/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1152	212979	Lý Gia Hân	23/11/2003	Nữ	010100077501	Quản trị chiến lược	DH21QTK01		
1153	212979	Lý Gia Hân	23/11/2003	Nữ	010100079311	Quản trị thương hiệu	DH21QTK01		
1154	213314	Ngô Mỹ Huyền	16/08/2002	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1155	213314	Ngô Mỹ Huyền	16/08/2002	Nữ	010100079311	Quản trị thương hiệu	DH21QTK01		
1156	213179	Ngô Thành Lợi	26/06/2002	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1157	213589	Nguyễn Đặng Ngọc Mỹ	12/05/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1158	213054	Nguyễn Diễm Linh	10/04/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1159	2111046	Nguyễn Hồ Ý Nhi	22/01/2000	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1160	212921	Nguyễn Thái Huỳnh Như	19/12/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1161	213657	Nguyễn Thanh Trí	06/05/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1162	213390	Nguyễn Thị Thu Vân	24/12/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1163	212978	Nguyễn Thu Thảo	28/02/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1164	213210	Nguyễn Trọng Nguyễn	15/08/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1165	213688	Nguyễn Văn Huỳnh	28/03/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1166	213491	Nguyễn Văn Khánh Duy	23/12/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1167	212934	Phạm Hồng Xuyên	03/08/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1168	213487	Phạm Thị Trúc Quỳnh	16/06/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1169	211059	Phan Chí Phúc	19/05/2003	Nam	010100077501	Quản trị chiến lược	DH21QTK01		
1170	213301	Phan Duy Toàn	12/08/2002	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1171	201600	Phan Thị Trúc My	29/08/2002	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1172	212904	Phù Xuân Hà	21/01/2003	Nữ	010100216613	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK01		
1173	212904	Phù Xuân Hà	21/01/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1174	213667	Tần Minh Huy	22/11/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1175	213364	Thái Ngọc Diễm	18/09/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1176	212996	Trần Bá Đạt	10/03/2003	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1177	191031	Trần Ngọc Bảo Trân	01/01/2001	Nữ	010100077501	Quản trị chiến lược	DH21QTK01		
1178	213342	Trần Quốc Anh	21/06/2002	Nam	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1179	213389	Trần Thị Bích Phượng	19/02/2003	Nữ	010100216613	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK01		
1180	213389	Trần Thị Bích Phượng	19/02/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1181	213389	Trần Thị Bích Phượng	19/02/2003	Nữ	010100077501	Quản trị chiến lược	DH21QTK01		
1182	213389	Trần Thị Bích Phượng	19/02/2003	Nữ	010100079311	Quản trị thương hiệu	DH21QTK01		
1183	213675	Trần Thị Diễm Kiều	10/10/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1184	213276	Trần Thị Khả Vy	06/11/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1185	213512	Trịnh Thị Ngọc Yến	10/02/2001	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1186	212963	Võ Thị Xuân Tuyền	13/02/2003	Nữ	010100075203	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK01		
1187	210459	Đặng Thanh Huy	21/08/2002	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1188	210529	Đỗ Thị Lan Anh	21/01/2003	Nữ	010100077502	Quản trị chiến lược	DH21QTK02		
1189	210584	Đoàn Diễm Trinh	12/02/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1190	210682	Dương Đan Huy	29/11/2003	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1191	210495	Dương Thị Ái My	01/11/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1192	210466	Hồ Kiến Quốc	25/05/2003	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1193	210510	Hoàng Đặng Thiên Ý	28/11/2002	Nữ	010100079312	Quản trị thương hiệu	DH21QTK02		
1194	212777	Huỳnh Thị Ánh Linh	11/09/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1195	210388	Lê Kiều Diễm	01/05/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1196	210608	Lê Kim Thanh	16/03/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1197	210608	Lê Kim Thanh	16/03/2003	Nữ	010100079312	Quản trị thương hiệu	DH21QTK02		
1198	210353	Lê Thị Thuần Khiết	18/01/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1199	210267	Lê Thị Yến Hân	29/09/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1200	210497	Mai Quốc Ngay	13/10/2003	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1201	210497	Mai Quốc Ngay	13/10/2003	Nam	010100079312	Quản trị thương hiệu	DH21QTK02		
1202	210643	Nguyễn Minh Huy	19/10/2003	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1203	210643	Nguyễn Minh Huy	19/10/2003	Nam	010100079312	Quản trị thương hiệu	DH21QTK02		
1204	210644	Phạm Hiếu Nhân	24/02/2003	Nam	010100216614	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK02		
1205	210644	Phạm Hiếu Nhân	24/02/2003	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1206	210644	Phạm Hiếu Nhân	24/02/2003	Nam	010100077502	Quản trị chiến lược	DH21QTK02		
1207	210644	Phạm Hiếu Nhân	24/02/2003	Nam	010100079312	Quản trị thương hiệu	DH21QTK02		
1208	210463	Phạm Nguyễn Hùng Thuận	25/03/2003	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1209	210468	Phạm Trung Dương	08/09/2002	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1210	210517	Thạch Thị Su Nal	16/03/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1211	210449	Tia Anh Thư	04/11/2003	Nữ	010100079312	Quản trị thương hiệu	DH21QTK02		
1212	210628	Trần Hoàng Anh	03/04/2003	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1213	210462	Trần Thị Ngọc Xuân	13/01/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1214	210462	Trần Thị Ngọc Xuân	13/01/2003	Nữ	010100077502	Quản trị chiến lược	DH21QTK02		
1215	210137	Trần Thị Thúy An	10/11/2003	Nữ	010100216614	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK02		
1216	210137	Trần Thị Thúy An	10/11/2003	Nữ	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1217	210212	Trần Tuấn Kiệt	18/11/2003	Nam	010100075204	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK02		
1218	210839	Bùi Hoàng Thiên	10/02/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1219	202710	Đào Nguyên Hưng	06/10/2002	Nam	010100216615	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK03		
1220	202710	Đào Nguyên Hưng	06/10/2002	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1221	202710	Đào Nguyên Hưng	06/10/2002	Nam	010100077503	Quản trị chiến lược	DH21QTK03		
1222	202710	Đào Nguyên Hưng	06/10/2002	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1223	210787	Đỗ Tiến Đạt	01/09/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1224	210787	Đỗ Tiến Đạt	01/09/2003	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1225	210864	Hà Thị Thủy Dung	03/03/2003	Nữ	010100216615	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK03		Miễn lệ phí
1226	210864	Hà Thị Thủy Dung	03/03/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		Miễn lệ phí
1227	210864	Hà Thị Thủy Dung	03/03/2003	Nữ	010100077503	Quản trị chiến lược	DH21QTK03		Miễn lệ phí
1228	210864	Hà Thị Thủy Dung	03/03/2003	Nữ	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		Miễn lệ phí
1229	210790	Huỳnh Hoàng Khang	07/05/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1230	210698	Huỳnh Ngọc Khoa	22/02/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1231	213757	Huỳnh Tấn Hưng	05/11/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1232	210240	Lại Ngọc Dung	26/12/2003	Nữ	010100077503	Quản trị chiến lược	DH21QTK03		
1233	210240	Lại Ngọc Dung	26/12/2003	Nữ	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1234	210754	Lại Phước Trường Khang	06/09/2001	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1235	210728	Lâm Kim Nguyên	16/11/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1236	211051	Lê Chí Hải	03/09/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1237	210833	Lê Công Bằng	17/09/2003	Nam	010100216615	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK03		
1238	210833	Lê Công Bằng	17/09/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1239	210833	Lê Công Bằng	17/09/2003	Nam	010100077503	Quản trị chiến lược	DH21QTK03		
1240	210833	Lê Công Bằng	17/09/2003	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1241	211008	Lê Huỳnh Như	19/12/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1242	210206	Lê Thanh Nam	16/03/2003	Nam	010100216615	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK03		Miễn lệ phí
1243	210206	Lê Thanh Nam	16/03/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		Miễn lệ phí
1244	210206	Lê Thanh Nam	16/03/2003	Nam	010100077503	Quản trị chiến lược	DH21QTK03		Miễn lệ phí

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1245	210206	Lê Thanh Nam	16/03/2003	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		Miễn lệ phí
1246	210133	Lê Thị Bảo Trân	24/04/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1247	210689	Mai Triệu Vi	22/03/2003	Nữ	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1248	211000	Ngô Đình Vinh	10/02/2003	Nam	010100216615	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK03		
1249	211000	Ngô Đình Vinh	10/02/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1250	211000	Ngô Đình Vinh	10/02/2003	Nam	010100077503	Quản trị chiến lược	DH21QTK03		
1251	211000	Ngô Đình Vinh	10/02/2003	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1252	210811	Ngô Ngọc Thi	21/03/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1253	210940	Ngô Tấn Tài	15/07/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1254	210777	Nguyễn Đức Thành	24/10/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1255	210777	Nguyễn Đức Thành	24/10/2003	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1256	210731	Nguyễn Quốc Khang	24/02/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1257	210731	Nguyễn Quốc Khang	24/02/2003	Nam	010100077503	Quản trị chiến lược	DH21QTK03		
1258	210731	Nguyễn Quốc Khang	24/02/2003	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1259	210743	Nguyễn Thanh Vy	18/10/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1260	212217	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/02/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1261	210868	Nguyễn Thị Kim Chi	19/01/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1262	210369	Phạm Chí Nam	10/07/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1263	210369	Phạm Chí Nam	10/07/2003	Nam	010100077503	Quản trị chiến lược	DH21QTK03		
1264	210369	Phạm Chí Nam	10/07/2003	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1265	211070	Phạm Minh Thái	13/11/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1266	210017	Phạm Phong Điền	30/04/2002	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1267	210017	Phạm Phong Điền	30/04/2002	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1268	210981	Tăng Chánh Tín	26/10/2003	Nam	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1269	210981	Tăng Chánh Tín	26/10/2003	Nam	010100079313	Quản trị thương hiệu	DH21QTK03		
1270	210716	Trần Lâm Tiểu Vy	27/05/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1271	211044	Trần Lê Kỳ Duyên	24/11/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1272	210751	Trần Lê Yến Loan	15/09/2003	Nữ	010100075205	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK03		
1273	213920	Đỗ Thị Hồng Yến	20/11/2003	Nữ	010100216616	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK04		
1274	213920	Đỗ Thị Hồng Yến	20/11/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1275	213920	Đỗ Thị Hồng Yến	20/11/2003	Nữ	010100077504	Quản trị chiến lược	DH21QTK04		
1276	213809	Dương Thành Trí	30/11/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1277	210164	Dương Thị Minh Nguyệt	24/12/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1278	211385	Hà Quốc An	15/09/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1279	210855	Huỳnh Phương Tường	15/07/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1280	211386	Lê Minh Khang	01/03/2003	Nam	010100216616	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK04		
1281	211386	Lê Minh Khang	01/03/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1282	211386	Lê Minh Khang	01/03/2003	Nam	010100077504	Quản trị chiến lược	DH21QTK04		
1283	211386	Lê Minh Khang	01/03/2003	Nam	010100079314	Quản trị thương hiệu	DH21QTK04		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1284	211285	Lê Thị Thùy Trang	16/12/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1285	211285	Lê Thị Thùy Trang	16/12/2003	Nữ	010100079314	Quản trị thương hiệu	DH21QTK04		
1286	211240	Lý Đức Anh	27/11/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1287	211489	Lý Thị Kim Thư	11/02/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1288	211390	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	03/08/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1289	211390	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	03/08/2003	Nữ	010100077504	Quản trị chiến lược	DH21QTK04		
1290	210215	Nguyễn Nhã Linh	17/10/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1291	210215	Nguyễn Nhã Linh	17/10/2003	Nữ	010100077504	Quản trị chiến lược	DH21QTK04		
1292	213078	Nguyễn Thành Phú	09/09/2003	Nam	010100216616	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK04		
1293	213078	Nguyễn Thành Phú	09/09/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1294	210218	Nguyễn Thị Thanh Quyền	29/11/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1295	211450	Nguyễn Trần Thảo Vi	14/01/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1296	211376	Nguyễn Trọng Phúc	07/05/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1297	211376	Nguyễn Trọng Phúc	07/05/2003	Nam	010100079314	Quản trị thương hiệu	DH21QTK04		
1298	211243	Phạm Nguyễn Trâm Anh	30/03/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1299	211484	Phạm Văn Anh	17/09/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1300	211105	Trần Khánh Văn	02/01/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1301	211168	Trần Quang Liêm	12/01/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1302	212153	Trần Thảo Nhi	24/04/2003	Nữ	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1303	219523	Trương Thanh Nhã	23/10/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1304	211221	Võ Anh Tỏa	26/08/2003	Nam	010100075206	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK04		
1305	211745	Dương Văn Khang	28/06/2003	Nam	010100075207	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK05		
1306	211833	Hà Thị Út Hậu	08/08/2003	Nữ	010100079315	Quản trị thương hiệu	DH21QTK05		
1307	211821	Lê Việt Thanh	03/08/2002	Nam	010100075207	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK05		
1308	211821	Lê Việt Thanh	03/08/2002	Nam	010100077505	Quản trị chiến lược	DH21QTK05		
1309	211821	Lê Việt Thanh	03/08/2002	Nam	010100079315	Quản trị thương hiệu	DH21QTK05		
1310	211862	Nguyễn Khánh Băng	07/02/2002	Nam	010100216617	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK05		
1311	211862	Nguyễn Khánh Băng	07/02/2002	Nam	010100075207	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK05		
1312	211862	Nguyễn Khánh Băng	07/02/2002	Nam	010100077505	Quản trị chiến lược	DH21QTK05		
1313	211862	Nguyễn Khánh Băng	07/02/2002	Nam	010100079315	Quản trị thương hiệu	DH21QTK05		
1314	214232	Tăng Lý Phương Thảo	19/11/2002	Nữ	010100075207	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK05		
1315	214232	Tăng Lý Phương Thảo	19/11/2002	Nữ	010100079315	Quản trị thương hiệu	DH21QTK05		
1316	201635	Thái Việt Linh	15/06/2001	Nam	010100077505	Quản trị chiến lược	DH21QTK05		
1317	201635	Thái Việt Linh	15/06/2001	Nam	010100079315	Quản trị thương hiệu	DH21QTK05		
1318	211801	Trần Hoàng Minh	15/12/2003	Nam	010100216617	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK05		
1319	211801	Trần Hoàng Minh	15/12/2003	Nam	010100075207	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK05		
1320	211801	Trần Hoàng Minh	15/12/2003	Nam	010100077505	Quản trị chiến lược	DH21QTK05		
1321	211801	Trần Hoàng Minh	15/12/2003	Nam	010100079315	Quản trị thương hiệu	DH21QTK05		
1322	212662	Bùi Hữu Nhân	26/05/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1323	212662	Bùi Hữu Nhân	26/05/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1324	212038	Bùi Phương Thảo	24/12/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1325	213707	Châu Minh Đức	10/03/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1326	213707	Châu Minh Đức	10/03/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1327	212813	Đoàn Thái Yên	14/08/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1328	212247	Huỳnh Thị Thu Trâm	19/07/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1329	212220	Huỳnh Thị Trúc Quỳnh	18/11/2002	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1330	212096	Huỳnh Trần Nhất Thống	24/11/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1331	212096	Huỳnh Trần Nhất Thống	24/11/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1332	212128	Lâm Quốc Tĩnh	30/10/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1333	212128	Lâm Quốc Tĩnh	30/10/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1334	212335	Lê Thành Luân	17/06/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1335	212335	Lê Thành Luân	17/06/2003	Nam	010100077506	Quản trị chiến lược	DH21QTK06		
1336	212335	Lê Thành Luân	17/06/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1337	2110648	Lê Truyền Đức Thịnh	28/01/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1338	2110648	Lê Truyền Đức Thịnh	28/01/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1339	2110348	Lê Tuấn Kiệt	06/01/2003	Nam	010100216618	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK06		
1340	2110348	Lê Tuấn Kiệt	06/01/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1341	2110348	Lê Tuấn Kiệt	06/01/2003	Nam	010100077506	Quản trị chiến lược	DH21QTK06		
1342	2110348	Lê Tuấn Kiệt	06/01/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1343	214255	Lê Việt Thành	07/06/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1344	214255	Lê Việt Thành	07/06/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1345	212144	Lý Thanh Hải	24/10/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1346	212111	Lý Thị Như	29/01/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1347	212251	Nguyễn Hoàng Minh Ngọc	10/09/2003	Nữ	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1348	212251	Nguyễn Hoàng Minh Ngọc	10/09/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1349	212001	Nguyễn Khắc Phát	30/03/2003	Nam	010100216618	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK06		
1350	212001	Nguyễn Khắc Phát	30/03/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1351	212001	Nguyễn Khắc Phát	30/03/2003	Nam	010100077506	Quản trị chiến lược	DH21QTK06		
1352	212001	Nguyễn Khắc Phát	30/03/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1353	212165	Nguyễn Khánh Bình	19/05/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1354	212165	Nguyễn Khánh Bình	19/05/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1355	2110141	Nguyễn Ngọc Nhã	05/09/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1356	2110141	Nguyễn Ngọc Nhã	05/09/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1357	212143	Nguyễn Thanh Tài	20/04/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1358	2110883	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/12/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1359	219635	Nguyễn Thị Mơ	30/10/2003	Nữ	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1360	212090	Nguyễn Thị Như Huỳnh	21/04/2003	Nữ	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1361	212090	Nguyễn Thị Như Huỳnh	21/04/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1362	212166	Nguyễn Thị Phương Anh	28/01/2003	Nữ	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1363	212166	Nguyễn Thị Phương Anh	28/01/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1364	219488	Nguyễn Văn Đăng	18/02/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1365	214461	Phạm Quốc Hoàng	15/12/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1366	214461	Phạm Quốc Hoàng	15/12/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1367	212126	Phạm Thị Bảo Duyên	24/10/2003	Nữ	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1368	212126	Phạm Thị Bảo Duyên	24/10/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1369	212377	Phạm Thị Thanh Tuyền	03/02/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1370	219998	Phan Võ Mỹ Hoàng	15/07/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1371	212288	Thạch Triều Quy	15/03/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1372	212288	Thạch Triều Quy	15/03/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1373	2110324	Tô Tú Quyên	29/05/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1374	212352	Trần Đăng Khoa	10/05/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1375	213713	Trần Đình Việt	22/08/2003	Nam	010100216618	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK06		
1376	213713	Trần Đình Việt	22/08/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1377	213713	Trần Đình Việt	22/08/2003	Nam	010100077506	Quản trị chiến lược	DH21QTK06		
1378	213713	Trần Đình Việt	22/08/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1379	212908	Trần Hoàng Huy	19/05/2003	Nam	010100216618	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK06		
1380	212908	Trần Hoàng Huy	19/05/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1381	212908	Trần Hoàng Huy	19/05/2003	Nam	010100077506	Quản trị chiến lược	DH21QTK06		
1382	212908	Trần Hoàng Huy	19/05/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1383	213945	Trần Ngọc Thảo	08/09/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1384	212349	Trần Nhật Thái	06/08/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1385	212349	Trần Nhật Thái	06/08/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1386	219490	Trần Xuân Nhị	16/12/2002	Nữ	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1387	219490	Trần Xuân Nhị	16/12/2002	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1388	212157	Trịnh Thị Kim Cương	28/10/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1389	214120	Võ Thị Bình	15/09/2003	Nữ	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1390	214120	Võ Thị Bình	15/09/2003	Nữ	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1391	212581	Võ Thị Tuyết Nhi	21/02/2003	Nữ	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1392	212336	Võ Văn Lễ	13/09/2003	Nam	010100075208	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK06		
1393	212336	Võ Văn Lễ	13/09/2003	Nam	010100079316	Quản trị thương hiệu	DH21QTK06		
1394	212477	Bạch Văn Trường	19/09/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1395	212429	Cái Phương Vy	19/11/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1396	210220	Đào Dương Khang	09/03/2003	Nam	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1397	212761	Đào Ngọc Trâm	02/12/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1398	212761	Đào Ngọc Trâm	02/12/2003	Nữ	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1399	213158	Diệp Anh Hào	18/12/2002	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1400	212790	Huỳnh Thị Minh Thư	09/09/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1401	219461	Lâm Tuyết Nhi	26/11/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1402	212899	Lê Hoàng Minh	13/10/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1403	212929	Lê Huy Hoàng	17/10/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1404	212929	Lê Huy Hoàng	17/10/2003	Nam	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1405	212484	Lê Ngọc Như Hoa	18/12/2003	Nữ	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1406	213023	Lý Anh Hào	09/07/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1407	213023	Lý Anh Hào	09/07/2003	Nam	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1408	211283	Mai Thị Ngọc Quý	06/07/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1409	212716	Ngô Thị Thanh Giang	05/09/2003	Nữ	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1410	212545	Nguyễn Diễm Thùy	02/02/2002	Nữ	010100077507	Quản trị chiến lược	DH21QTK07		
1411	212722	Nguyễn Hoàng Tiến	05/12/2003	Nam	010100216619	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK07		
1412	212722	Nguyễn Hoàng Tiến	05/12/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1413	211333	Nguyễn Ngọc Thúy Hằng	14/05/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1414	212922	Nguyễn Ngọc Trinh	06/07/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1415	212468	Nguyễn Quốc Đạt	29/05/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1416	212468	Nguyễn Quốc Đạt	29/05/2003	Nam	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1417	213130	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	10/04/2003	Nữ	010100216619	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK07		
1418	213130	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	10/04/2003	Nữ	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1419	212699	Nguyễn Thị Diệu Hiền	05/12/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1420	212794	Nguyễn Thị Hạnh Nhi	19/09/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1421	212947	Nguyễn Trần Ngọc Anh Thư	03/10/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1422	212193	Phan Hồng Huỳnh	06/10/2002	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1423	212775	Trần Nguyễn Gia Huy	06/08/2004	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1424	212587	Trần Thị Mộng Cầm	08/01/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1425	212684	Trần Thị Thúy Duy	05/07/2003	Nữ	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1426	213162	Trần Tiến Đạt	06/01/2003	Nam	010100216619	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK07		
1427	213162	Trần Tiến Đạt	06/01/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1428	213162	Trần Tiến Đạt	06/01/2003	Nam	010100077507	Quản trị chiến lược	DH21QTK07		
1429	213162	Trần Tiến Đạt	06/01/2003	Nam	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1430	213013	Trương Lê Thúy Vy	04/04/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1431	213133	Trương Quốc Cường	01/01/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1432	213133	Trương Quốc Cường	01/01/2003	Nam	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1433	210700	Văn Trung Hậu	30/04/2003	Nam	010100216619	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	DH21QTK07		
1434	210700	Văn Trung Hậu	30/04/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1435	210700	Văn Trung Hậu	30/04/2003	Nam	010100077507	Quản trị chiến lược	DH21QTK07		
1436	210700	Văn Trung Hậu	30/04/2003	Nam	010100079317	Quản trị thương hiệu	DH21QTK07		
1437	213034	Võ Ngọc Thiên Trang	15/09/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1438	212917	Võ Nguyễn Bảo Trâm	19/08/2003	Nữ	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		
1439	213129	Võ Văn Tâm	21/03/2003	Nam	010100075209	Phân tích hoạt động kinh doanh	DH21QTK07		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1440	210581	Hà Phạm Ngân Quý	11/12/2003	Nữ	010100173101	Quản trị sự kiện và hội nghị	DH21QTS01		
1441	211541	Lâm Thị Mỹ Uyên	10/04/2003	Nữ	010100172501	An ninh khách sạn	DH21QTS01		
1442	211982	Lê Thị Yến Nhi	12/03/2003	Nữ	010100173101	Quản trị sự kiện và hội nghị	DH21QTS01		
1443	210015	Ngô Nguyễn Thanh Phong	03/03/2001	Nam	010100172501	An ninh khách sạn	DH21QTS01		
1444	210015	Ngô Nguyễn Thanh Phong	03/03/2001	Nam	010100173101	Quản trị sự kiện và hội nghị	DH21QTS01		
1445	210015	Ngô Nguyễn Thanh Phong	03/03/2001	Nam	010100085601	Ứng dụng CNTT trong du lịch	DH21QTS01		
1446	210329	Nguyễn Thị Minh Thư	31/12/2003	Nữ	010100173101	Quản trị sự kiện và hội nghị	DH21QTS01		
1447	190703	Phạm Ngọc Như Anh	24/12/2001	Nữ	010100173101	Quản trị sự kiện và hội nghị	DH21QTS01		
1448	190703	Phạm Ngọc Như Anh	24/12/2001	Nữ	010100085601	Ứng dụng CNTT trong du lịch	DH21QTS01		
1449	212841	Trần Thị Hồng Ngọc	26/04/2003	Nữ	010100173101	Quản trị sự kiện và hội nghị	DH21QTS01		
1450	210203	Vưu Tổ Quyên	14/04/2003	Nữ	010100173101	Quản trị sự kiện và hội nghị	DH21QTS01		
1451	213182	Biện Thanh Trường	08/07/2003	Nam	010100172502	An ninh khách sạn	DH21QTS02		
1452	203299	Bùi Thị Tuyết Nhung	05/02/2002	Nữ	010100199603	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTS02	DH21QTD03	
1453	212016	Đặng Phúc Hoài	25/06/2003	Nam	010100172502	An ninh khách sạn	DH21QTS02		
1454	202721	Hà Gia Bảo	26/01/2002	Nam	010100172502	An ninh khách sạn	DH21QTS02		
1455	212574	Huỳnh Nhật Hào	05/08/2003	Nam	010100172502	An ninh khách sạn	DH21QTS02		
1456	213204	Nguyễn Anh Thư	08/11/2003	Nữ	010100199603	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTS02	DH21QTD03	
1457	211354	Nguyễn Hữu Thoại	22/02/2003	Nam	010100172502	An ninh khách sạn	DH21QTS02		
1458	213628	Nguyễn Huỳnh Anh	24/01/2003	Nữ	010100172502	An ninh khách sạn	DH21QTS02		
1459	203064	Phạm Nguyễn Hải Đăng	06/01/2001	Nam	010100199603	Thanh toán quốc tế trong du lịch	DH21QTS02	DH21QTD03	
1460	212999	Võ Trần Hải Đăng	17/04/2003	Nam	010100172502	An ninh khách sạn	DH21QTS02		
1461	210104	Bùi Nguyễn Hiếu Thảo	18/12/2003	Nữ	010100072101	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN01		
1462	210104	Bùi Nguyễn Hiếu Thảo	18/12/2003	Nữ	010100075401	Phân tích và đầu tư chứng khoán	DH21TCN01		
1463	210104	Bùi Nguyễn Hiếu Thảo	18/12/2003	Nữ	010100076501	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN01		
1464	210380	Châu Trần Ngọc Xuyến	23/06/2003	Nữ	010100072101	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN01		
1465	210380	Châu Trần Ngọc Xuyến	23/06/2003	Nữ	010100076501	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN01		
1466	214047	Lê Cẩm Trinh	06/01/2002	Nữ	010100072101	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN01		
1467	214047	Lê Cẩm Trinh	06/01/2002	Nữ	010100075401	Phân tích và đầu tư chứng khoán	DH21TCN01		
1468	214047	Lê Cẩm Trinh	06/01/2002	Nữ	010100076501	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN01		
1469	214047	Lê Cẩm Trinh	06/01/2002	Nữ	010100104201	Quản trị rủi ro tài chính	DH21TCN01		
1470	210116	Nguyễn Anh Ngọc	11/10/2003	Nữ	010100072101	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN01		
1471	210116	Nguyễn Anh Ngọc	11/10/2003	Nữ	010100076501	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN01		
1472	210110	Nguyễn Phương Anh	30/06/2003	Nữ	010100072101	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN01		
1473	210920	Phạm Hồ Bảo Trân	19/03/2003	Nữ	010100072101	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN01		
1474	210724	Thạch Thị Thanh Tú	18/03/2003	Nữ	010100072101	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN01		
1475	211588	Bùi Tuấn Vũ	26/11/2003	Nam	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1476	211399	Cao Thị Ánh Tuyết	27/08/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1477	211302	Đặng Kim Ngân	02/05/2003	Nữ	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1478	214185	Đoàn Tường Vy	27/06/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1479	211166	Hà Thị Mai Thảo	21/10/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1480	210991	Lâm Diễm Hương	06/09/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1481	211211	Lâm Diễm Quỳnh	11/03/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1482	211504	Lâm Tố My	21/03/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1483	211504	Lâm Tố My	21/03/2003	Nữ	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1484	210993	Liên Viễn Tuấn	28/08/2003	Nam	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1485	200956	Lữ Thoại Đức	12/08/2002	Nam	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1486	211754	Lý Kỳ Anh	13/11/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1487	211754	Lý Kỳ Anh	13/11/2003	Nữ	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1488	200945	Lý Quốc Đạt	18/07/2002	Nam	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1489	211647	Lý Thanh Thảo	14/01/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1490	210994	Nguyễn Hoài Phú	03/05/2003	Nam	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1491	210994	Nguyễn Hoài Phú	03/05/2003	Nam	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1492	210994	Nguyễn Hoài Phú	03/05/2003	Nam	010100104202	Quản trị rủi ro tài chính	DH21TCN02		
1493	211139	Nguyễn Hồng Đào	09/11/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1494	2110941	Nguyễn Kim Xuyên	24/11/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1495	211667	Nguyễn Lê Hà Hiếu	01/04/2003	Nam	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1496	211063	Nguyễn Ngọc Hân	26/10/2003	Nữ	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1497	213247	Nguyễn Như Huỳnh	14/09/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1498	213247	Nguyễn Như Huỳnh	14/09/2003	Nữ	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1499	211078	Nguyễn Quốc Anh	12/01/2003	Nam	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1500	211078	Nguyễn Quốc Anh	12/01/2003	Nam	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1501	211078	Nguyễn Quốc Anh	12/01/2003	Nam	010100104202	Quản trị rủi ro tài chính	DH21TCN02		
1502	214287	Nguyễn Thị Như Ý	30/04/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1503	211636	Phạm Ngọc Trâm	01/08/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1504	211636	Phạm Ngọc Trâm	01/08/2003	Nữ	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1505	211518	Phan Thị Hồng Gấm	13/03/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1506	211518	Phan Thị Hồng Gấm	13/03/2003	Nữ	010100075001	Phân tích báo cáo tài chính	DH21TCN02	DH21KTO01	
1507	211256	Sơn Thị Chanh Thol	11/12/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1508	211013	Trần Minh Mẫn	09/08/2003	Nam	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1509	211013	Trần Minh Mẫn	09/08/2003	Nam	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1510	211526	Trần Triệu Vy	01/08/2003	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1511	203572	Trịnh Bửu Gia Hân	24/08/2001	Nữ	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1512	203572	Trịnh Bửu Gia Hân	24/08/2001	Nữ	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1513	203572	Trịnh Bửu Gia Hân	24/08/2001	Nữ	010100104202	Quản trị rủi ro tài chính	DH21TCN02		
1514	211952	Văn Thiện Trung	05/04/2003	Nam	010100072102	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN02		
1515	211952	Văn Thiện Trung	05/04/2003	Nam	010100075402	Phân tích và đầu tư chứng khoán	DH21TCN02		
1516	211952	Văn Thiện Trung	05/04/2003	Nam	010100076503	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN02		
1517	211952	Văn Thiện Trung	05/04/2003	Nam	010100104202	Quản trị rủi ro tài chính	DH21TCN02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1518	200452	Bùi Cẩm Thu	14/04/2002	Nữ	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1519	200452	Bùi Cẩm Thu	14/04/2002	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1520	212148	Cao Thị Kết	19/10/2003	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1521	212092	Đặng Huy Lợi	19/08/2003	Nam	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1522	213750	Hà Trương Tường Vy	01/05/2003	Nữ	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1523	213750	Hà Trương Tường Vy	01/05/2003	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1524	212097	Lâm Hồng Quỳnh Như	25/10/2003	Nữ	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1525	213024	Nguyễn Duy Tài Lợi	16/12/2003	Nam	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1526	213024	Nguyễn Duy Tài Lợi	16/12/2003	Nam	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1527	212257	Nguyễn Huỳnh Kha	08/07/2003	Nam	010100075403	Phân tích và đầu tư chứng khoán	DH21TCN03		
1528	212057	Nguyễn Mạnh Duy	23/02/2003	Nam	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1529	212743	Nguyễn Ngọc Như Ý	25/05/2003	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1530	212187	Nguyễn Quốc Hưng	30/10/2003	Nam	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1531	212187	Nguyễn Quốc Hưng	30/10/2003	Nam	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1532	2110082	Nguyễn Thị Kim Khuê	08/01/2003	Nữ	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1533	213611	Nguyễn Thị Mai Tiên	29/11/2003	Nữ	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1534	213611	Nguyễn Thị Mai Tiên	29/11/2003	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1535	213427	Nguyễn Thị Như Huỳnh	05/05/2003	Nữ	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1536	213427	Nguyễn Thị Như Huỳnh	05/05/2003	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1537	212252	Phạm Lê Diệu Hiền	03/12/2003	Nữ	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1538	212905	Phù Xuân Phương	12/08/2003	Nữ	010100104203	Quản trị rủi ro tài chính	DH21TCN03		Miễn lệ phí
1539	213171	Quách Thị Cẩm Linh	10/11/2003	Nữ	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1540	213171	Quách Thị Cẩm Linh	10/11/2003	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1541	213020	Thái Ngọc Khả Ái	06/05/2003	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1542	212599	Trần Phương Linh	10/08/2003	Nữ	010100072103	Ngân hàng Trung ương	DH21TCN03		
1543	212599	Trần Phương Linh	10/08/2003	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1544	213269	Trần Thị Như Ý	19/02/2003	Nữ	010100076502	Quản lý danh mục đầu tư	DH21TCN03		
1545	210269	Hà Nguyễn Đăng Khoa	14/06/2003	Nam	010100178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN01		
1546	210638	Mai Quốc Luận	05/10/2003	Nam	010100207001	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN01		
1547	210638	Mai Quốc Luận	05/10/2003	Nam	010100216201	Lập trình WPF	DH21TIN01		
1548	210638	Mai Quốc Luận	05/10/2003	Nam	010100178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN01		
1549	210638	Mai Quốc Luận	05/10/2003	Nam	010100178401	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN01		
1550	210638	Mai Quốc Luận	05/10/2003	Nam	010100099101	Xử lý ảnh	DH21TIN01		
1551	210778	Nguyễn Trung Hậu	22/03/2003	Nam	011800169902	Thiết kế đồ họa	DH21TIN01	21TIN02-TT	
1552	210422	Phạm Bảo Kiếm	30/12/2003	Nam	010100207001	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN01		
1553	210422	Phạm Bảo Kiếm	30/12/2003	Nam	010100216201	Lập trình WPF	DH21TIN01		
1554	210422	Phạm Bảo Kiếm	30/12/2003	Nam	010100178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN01		
1555	210422	Phạm Bảo Kiếm	30/12/2003	Nam	010100178401	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN01		
1556	210422	Phạm Bảo Kiếm	30/12/2003	Nam	010100099101	Xử lý ảnh	DH21TIN01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1557	210312	Phạm Chà Phúc	10/03/2003	Nam	010100207001	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN01		
1558	210312	Phạm Chà Phúc	10/03/2003	Nam	010100216201	Lập trình WPF	DH21TIN01		
1559	210312	Phạm Chà Phúc	10/03/2003	Nam	010100178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN01		
1560	210312	Phạm Chà Phúc	10/03/2003	Nam	010100178401	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN01		
1561	210312	Phạm Chà Phúc	10/03/2003	Nam	010100099101	Xử lý ảnh	DH21TIN01		
1562	213869	Phạm Minh Thế	19/04/2003	Nam	010100178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN01		
1563	210575	Tiêu Gia Phú	28/09/2003	Nam	010100178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN01		
1564	202145	Trần Ngọc Hân	04/10/2002	Nữ	010100207001	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN01		
1565	202145	Trần Ngọc Hân	04/10/2002	Nữ	010100216201	Lập trình WPF	DH21TIN01		
1566	202145	Trần Ngọc Hân	04/10/2002	Nữ	010100178701	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN01		
1567	202145	Trần Ngọc Hân	04/10/2002	Nữ	010100099101	Xử lý ảnh	DH21TIN01		
1568	211356	Đặng Tấn Lộc	26/06/2003	Nam	010100207002	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN02		
1569	211356	Đặng Tấn Lộc	26/06/2003	Nam	010100216202	Lập trình WPF	DH21TIN02		
1570	211356	Đặng Tấn Lộc	26/06/2003	Nam	010100178702	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN02		
1571	211356	Đặng Tấn Lộc	26/06/2003	Nam	010100178402	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN02		
1572	211356	Đặng Tấn Lộc	26/06/2003	Nam	010100099102	Xử lý ảnh	DH21TIN02		
1573	2111267	Lê Thành Đạt	22/12/2002	Nam	010100207002	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN02		
1574	2111267	Lê Thành Đạt	22/12/2002	Nam	010100216202	Lập trình WPF	DH21TIN02		
1575	2111267	Lê Thành Đạt	22/12/2002	Nam	010100178702	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN02		
1576	2111267	Lê Thành Đạt	22/12/2002	Nam	010100178402	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN02		
1577	2111267	Lê Thành Đạt	22/12/2002	Nam	010100099102	Xử lý ảnh	DH21TIN02		
1578	210858	Lê Thiên Bảo	12/06/2003	Nam	010100207002	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN02		
1579	210858	Lê Thiên Bảo	12/06/2003	Nam	010100216202	Lập trình WPF	DH21TIN02		
1580	210858	Lê Thiên Bảo	12/06/2003	Nam	010100178702	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN02		
1581	210858	Lê Thiên Bảo	12/06/2003	Nam	010100178402	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN02		
1582	210858	Lê Thiên Bảo	12/06/2003	Nam	010100099102	Xử lý ảnh	DH21TIN02		
1583	210865	Lê Triệu Vỹ	17/11/2003	Nam	010100178702	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN02		
1584	213362	Lê Trọng Nhân	15/01/2003	Nam	010100207002	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN02		
1585	213362	Lê Trọng Nhân	15/01/2003	Nam	010100216202	Lập trình WPF	DH21TIN02		
1586	213362	Lê Trọng Nhân	15/01/2003	Nam	010100178702	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN02		
1587	213362	Lê Trọng Nhân	15/01/2003	Nam	010100178402	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN02		
1588	213362	Lê Trọng Nhân	15/01/2003	Nam	010100099102	Xử lý ảnh	DH21TIN02		
1589	211241	Nguyễn Phúc Huy	20/08/2003	Nam	010100178702	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN02		
1590	210985	Phan Nhật Nam	01/11/2003	Nam	010100207002	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN02		
1591	210985	Phan Nhật Nam	01/11/2003	Nam	010100216202	Lập trình WPF	DH21TIN02		
1592	210985	Phan Nhật Nam	01/11/2003	Nam	010100178702	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN02		
1593	210985	Phan Nhật Nam	01/11/2003	Nam	010100178402	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN02		
1594	210985	Phan Nhật Nam	01/11/2003	Nam	010100099102	Xử lý ảnh	DH21TIN02		
1595	214446	Đào Quang Được	05/07/2003	Nam	010100207003	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN03		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1596	214446	Đào Quang Được	05/07/2003	Nam	010100216203	Lập trình WPF	DH21TIN03		
1597	214446	Đào Quang Được	05/07/2003	Nam	010100178703	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN03		
1598	214446	Đào Quang Được	05/07/2003	Nam	010100178403	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN03		
1599	214446	Đào Quang Được	05/07/2003	Nam	010100099103	Xử lý ảnh	DH21TIN03		
1600	211535	Lê Hoàng Phúc Vinh	05/01/2003	Nam	010100207003	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN03		
1601	211535	Lê Hoàng Phúc Vinh	05/01/2003	Nam	010100216203	Lập trình WPF	DH21TIN03		
1602	211535	Lê Hoàng Phúc Vinh	05/01/2003	Nam	010100178703	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN03		
1603	211535	Lê Hoàng Phúc Vinh	05/01/2003	Nam	010100178403	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN03		
1604	211535	Lê Hoàng Phúc Vinh	05/01/2003	Nam	010100099103	Xử lý ảnh	DH21TIN03		
1605	211644	Tạ Hoàng Kha	16/06/2002	Nam	010100216203	Lập trình WPF	DH21TIN03		
1606	211850	Thị Hường	15/03/2003	Nữ	010100207003	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN03		
1607	211850	Thị Hường	15/03/2003	Nữ	010100216203	Lập trình WPF	DH21TIN03		
1608	211850	Thị Hường	15/03/2003	Nữ	010100178703	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN03		
1609	211850	Thị Hường	15/03/2003	Nữ	010100178403	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN03		
1610	211850	Thị Hường	15/03/2003	Nữ	010100099103	Xử lý ảnh	DH21TIN03		
1611	212032	Võ Văn Thịnh	02/02/2003	Nam	010100207003	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN03		
1612	212032	Võ Văn Thịnh	02/02/2003	Nam	010100216203	Lập trình WPF	DH21TIN03		
1613	212032	Võ Văn Thịnh	02/02/2003	Nam	010100178703	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN03		
1614	212032	Võ Văn Thịnh	02/02/2003	Nam	010100178403	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN03		
1615	212032	Võ Văn Thịnh	02/02/2003	Nam	010100099103	Xử lý ảnh	DH21TIN03		
1616	212228	Đinh Trung Quốc	07/04/2003	Nam	010100207004	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN04		
1617	212228	Đinh Trung Quốc	07/04/2003	Nam	010100216204	Lập trình WPF	DH21TIN04		
1618	212228	Đinh Trung Quốc	07/04/2003	Nam	010100178704	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN04		
1619	212228	Đinh Trung Quốc	07/04/2003	Nam	010100178404	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN04		
1620	212228	Đinh Trung Quốc	07/04/2003	Nam	010100099104	Xử lý ảnh	DH21TIN04		
1621	212529	Lê Minh Khoa	03/10/2003	Nam	010100207004	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN04		
1622	212529	Lê Minh Khoa	03/10/2003	Nam	010100216204	Lập trình WPF	DH21TIN04		
1623	212529	Lê Minh Khoa	03/10/2003	Nam	010100178704	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN04		
1624	212529	Lê Minh Khoa	03/10/2003	Nam	010100178404	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN04		
1625	212529	Lê Minh Khoa	03/10/2003	Nam	010100099104	Xử lý ảnh	DH21TIN04		
1626	212355	Lưu Quốc Việt	10/02/2003	Nam	010100207004	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN04		
1627	212355	Lưu Quốc Việt	10/02/2003	Nam	010100216204	Lập trình WPF	DH21TIN04		
1628	212355	Lưu Quốc Việt	10/02/2003	Nam	010100178704	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN04		
1629	212355	Lưu Quốc Việt	10/02/2003	Nam	010100178404	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN04		
1630	212355	Lưu Quốc Việt	10/02/2003	Nam	010100099104	Xử lý ảnh	DH21TIN04		
1631	213565	Nguyễn Châu Thanh Trà	09/02/2003	Nam	010100216204	Lập trình WPF	DH21TIN04		
1632	213464	Nguyễn Hoàng Duy	08/02/2003	Nam	010100216204	Lập trình WPF	DH21TIN04		
1633	213334	Nguyễn Hồng Quân	01/10/1997	Nam	010100207004	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN04		
1634	213334	Nguyễn Hồng Quân	01/10/1997	Nam	010100216204	Lập trình WPF	DH21TIN04		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1635	213334	Nguyễn Hồng Quân	01/10/1997	Nam	010100178704	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN04		
1636	213334	Nguyễn Hồng Quân	01/10/1997	Nam	010100178404	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN04		
1637	213334	Nguyễn Hồng Quân	01/10/1997	Nam	010100099104	Xử lý ảnh	DH21TIN04		
1638	213447	Nguyễn Tấn Thực	31/03/2003	Nam	010100216204	Lập trình WPF	DH21TIN04		
1639	212067	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/07/2003	Nữ	010100207004	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN04		
1640	212067	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/07/2003	Nữ	010100216204	Lập trình WPF	DH21TIN04		
1641	212067	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/07/2003	Nữ	010100178704	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN04		
1642	212067	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/07/2003	Nữ	010100178404	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN04		
1643	212067	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/07/2003	Nữ	010100099104	Xử lý ảnh	DH21TIN04		
1644	212290	Phan Du My	01/01/2003	Nữ	010100207004	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN04		
1645	212290	Phan Du My	01/01/2003	Nữ	010100216204	Lập trình WPF	DH21TIN04		
1646	212290	Phan Du My	01/01/2003	Nữ	010100178704	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN04		
1647	212290	Phan Du My	01/01/2003	Nữ	010100178404	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN04		
1648	212290	Phan Du My	01/01/2003	Nữ	010100099104	Xử lý ảnh	DH21TIN04		
1649	212970	Hà Hoàng Phúc	25/11/2003	Nam	010100207005	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN05		
1650	212882	Lê Quang Trung	02/04/2003	Nam	010100207005	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN05		
1651	213141	Liên Phát Sang	11/08/2000	Nam	010100207005	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN05		
1652	210649	Nguyễn Hà Hoàng Hải	22/04/2003	Nam	010100207005	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN05		
1653	213128	Nguyễn Huỳnh Trâm	06/01/2003	Nữ	010100216205	Lập trình WPF	DH21TIN05		
1654	213091	Nguyễn Ngọc Anh Tài	19/02/2002	Nam	010100207005	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN05		
1655	213091	Nguyễn Ngọc Anh Tài	19/02/2002	Nam	010100216205	Lập trình WPF	DH21TIN05		
1656	213091	Nguyễn Ngọc Anh Tài	19/02/2002	Nam	010100178705	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN05		
1657	213091	Nguyễn Ngọc Anh Tài	19/02/2002	Nam	010100178405	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN05		
1658	213091	Nguyễn Ngọc Anh Tài	19/02/2002	Nam	010100099105	Xử lý ảnh	DH21TIN05		
1659	212796	Trần Huy Hoàng	21/09/2003	Nam	010100216205	Lập trình WPF	DH21TIN05		
1660	211728	Trần Thanh Phương	13/05/2003	Nam	010100207005	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN05		
1661	211728	Trần Thanh Phương	13/05/2003	Nam	010100216205	Lập trình WPF	DH21TIN05		
1662	211728	Trần Thanh Phương	13/05/2003	Nam	010100178705	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN05		
1663	211728	Trần Thanh Phương	13/05/2003	Nam	010100178405	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN05		
1664	211728	Trần Thanh Phương	13/05/2003	Nam	010100099105	Xử lý ảnh	DH21TIN05		
1665	213752	Võ Minh Tân	03/02/2003	Nam	010100178705	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN05		Miễn lệ phí
1666	201625	Đặng Văn Quấn	16/06/2002	Nam	010100207006	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN06		
1667	201625	Đặng Văn Quấn	16/06/2002	Nam	010100178706	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN06		
1668	219704	Nguyễn Hải Khang	29/11/2003	Nam	010100178706	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN06		
1669	219989	Phạm Duy Chấn Trí	03/12/2003	Nam	010100207006	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN06		
1670	219989	Phạm Duy Chấn Trí	03/12/2003	Nam	010100216206	Lập trình WPF	DH21TIN06		
1671	219989	Phạm Duy Chấn Trí	03/12/2003	Nam	010100178706	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN06		
1672	219989	Phạm Duy Chấn Trí	03/12/2003	Nam	010100178406	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN06		
1673	219989	Phạm Duy Chấn Trí	03/12/2003	Nam	010100099106	Xử lý ảnh	DH21TIN06		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1674	2110369	Tăng Tấn Hiện	09/03/2003	Nam	010100207006	Công nghệ chuỗi khối	DH21TIN06		
1675	2110369	Tăng Tấn Hiện	09/03/2003	Nam	010100216206	Lập trình WPF	DH21TIN06		
1676	2110369	Tăng Tấn Hiện	09/03/2003	Nam	010100178706	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DH21TIN06		
1677	2110369	Tăng Tấn Hiện	09/03/2003	Nam	010100178406	Nhập môn công nghệ phần mềm	DH21TIN06		
1678	2110369	Tăng Tấn Hiện	09/03/2003	Nam	010100099106	Xử lý ảnh	DH21TIN06		
1679	213596	Trần Thanh Huy	18/10/2003	Nam	010100216206	Lập trình WPF	DH21TIN06		
1680	211290	Đặng Hoàng Dinh	08/12/2002	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1681	211290	Đặng Hoàng Dinh	08/12/2002	Nam	010100013801	Tổ chức thi công	DH21XDU01		
1682	211483	Đặng Văn Đồ	11/10/2003	Nam	010100013801	Tổ chức thi công	DH21XDU01		
1683	214023	Hồng Duy Anh	24/03/2003	Nam	010100215301	Cầu tạo kiến trúc	DH21XDU01		
1684	214023	Hồng Duy Anh	24/03/2003	Nam	010100008602	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	DH21XDU01		
1685	214023	Hồng Duy Anh	24/03/2003	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1686	214023	Hồng Duy Anh	24/03/2003	Nam	010100011601	Máy xây dựng	DH21XDU01		
1687	214023	Hồng Duy Anh	24/03/2003	Nam	010100013801	Tổ chức thi công	DH21XDU01		
1688	210603	Huỳnh Hữu Nghĩa	11/10/2003	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1689	211050	Huỳnh Quốc Khánh	02/09/2003	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1690	210461	Lâm Bảo Nam	13/06/2003	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1691	212594	Lê Quốc Cường	12/08/2003	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1692	210038	Lê Thanh Trung	09/08/1999	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1693	219498	Nguyễn Đức Anh	01/06/2003	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1694	213138	Nguyễn Duy Linh	26/06/2003	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1695	212267	Nguyễn Hoàng Kết	27/01/2003	Nam	010100215301	Cầu tạo kiến trúc	DH21XDU01		
1696	211842	Nguyễn Lê Gia Huy	21/07/2002	Nam	010100008602	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	DH21XDU01		
1697	211842	Nguyễn Lê Gia Huy	21/07/2002	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1698	213969	Nguyễn Quốc Gia Huy	18/09/2002	Nam	010100215301	Cầu tạo kiến trúc	DH21XDU01		
1699	213969	Nguyễn Quốc Gia Huy	18/09/2002	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1700	213969	Nguyễn Quốc Gia Huy	18/09/2002	Nam	010100013801	Tổ chức thi công	DH21XDU01		
1701	210782	Nguyễn Trọng Lực	20/06/2002	Nam	010100215301	Cầu tạo kiến trúc	DH21XDU01		
1702	210782	Nguyễn Trọng Lực	20/06/2002	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1703	214296	Nguyễn Văn Độ	03/08/2002	Nam	010100013801	Tổ chức thi công	DH21XDU01		
1704	213873	Phạm Hoàng Khang	01/01/2001	Nam	010100215301	Cầu tạo kiến trúc	DH21XDU01		
1705	213873	Phạm Hoàng Khang	01/01/2001	Nam	010100008602	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	DH21XDU01		
1706	213873	Phạm Hoàng Khang	01/01/2001	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1707	213873	Phạm Hoàng Khang	01/01/2001	Nam	010100011601	Máy xây dựng	DH21XDU01		
1708	213873	Phạm Hoàng Khang	01/01/2001	Nam	010100013801	Tổ chức thi công	DH21XDU01		
1709	210235	Trần Đoàn Toàn Minh	27/06/2003	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1710	219926	Trần Hồng Thắm	06/06/2003	Nữ	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		
1711	210357	Trương Nhật Linh	31/01/2003	Nam	010100013801	Tổ chức thi công	DH21XDU01		
1712	166862	Trương Phi Long	16/07/1997	Nam	010100011201	Luật xây dựng	DH21XDU01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1713	200351	Trương Tấn Đạt	13/05/2002	Nam	010100008602	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	DH21XDU01		
1714	200351	Trương Tấn Đạt	13/05/2002	Nam	010100013801	Tổ chức thi công	DH21XDU01		
1715	2110874	Hồ Hoàng Tân	15/08/2002	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH21XDU02		
1716	214025	Lê Mạnh Tú	12/09/2003	Nam	010100215302	Cấu tạo kiến trúc	DH21XDU02		
1717	214025	Lê Mạnh Tú	12/09/2003	Nam	010100008601	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	DH21XDU02		
1718	214025	Lê Mạnh Tú	12/09/2003	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH21XDU02		
1719	214025	Lê Mạnh Tú	12/09/2003	Nam	010100011602	Máy xây dựng	DH21XDU02		
1720	214025	Lê Mạnh Tú	12/09/2003	Nam	010100013802	Tổ chức thi công	DH21XDU02		
1721	213543	Lê Thành Nhân	25/08/2003	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH21XDU02		
1722	213543	Lê Thành Nhân	25/08/2003	Nam	010100013802	Tổ chức thi công	DH21XDU02		
1723	213206	Lê Trọng Nguyễn	02/07/2003	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH21XDU02		
1724	2110396	Nguyễn Minh Khánh	05/09/2003	Nam	010100215302	Cấu tạo kiến trúc	DH21XDU02		Miễn lệ phí
1725	2110396	Nguyễn Minh Khánh	05/09/2003	Nam	010100011602	Máy xây dựng	DH21XDU02		Miễn lệ phí
1726	2110396	Nguyễn Minh Khánh	05/09/2003	Nam	010100013802	Tổ chức thi công	DH21XDU02		Miễn lệ phí
1727	210738	Nguyễn Quốc Thịnh	10/11/2003	Nam	010100008601	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	DH21XDU02		
1728	2110376	Nguyễn Việt Dũng	15/11/2003	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH21XDU02		
1729	213658	Phạm Minh Nhựt	28/03/2003	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH21XDU02		
1730	211576	Phạm Phú Nhân	20/06/2002	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH21XDU02		
1731	219818	Võ Nguyễn Phú Nguyên	17/10/2003	Nam	010100215302	Cấu tạo kiến trúc	DH21XDU02		
1732	219535	Võ Trần Duy Thanh	28/04/2003	Nam	010100215302	Cấu tạo kiến trúc	DH21XDU02		
1733	219535	Võ Trần Duy Thanh	28/04/2003	Nam	010100008601	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	DH21XDU02		
1734	219535	Võ Trần Duy Thanh	28/04/2003	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH21XDU02		
1735	219535	Võ Trần Duy Thanh	28/04/2003	Nam	010100011602	Máy xây dựng	DH21XDU02		
1736	219362	Vũ Hoàng Minh	15/04/1992	Nam	010100011202	Luật xây dựng	DH21XDU02		
1737	210972	Cao Huỳnh Lam	25/08/2003	Nữ	010100120301	Ký sinh trùng 3	DH21XET01		
1738	210972	Cao Huỳnh Lam	25/08/2003	Nữ	010100151401	Vì sinh 4	DH21XET01		
1739	211269	Đặng Bích Nghi	14/08/2003	Nữ	010100120301	Ký sinh trùng 3	DH21XET01		
1740	210134	Đỗ Minh Thuận	14/06/2003	Nam	010100151401	Vì sinh 4	DH21XET01		
1741	210134	Đỗ Minh Thuận	14/06/2003	Nam	010100118001	Xét nghiệm tế bào 2	DH21XET01		
1742	210233	Dương Lê Huyền Trân	03/06/2003	Nữ	010100120301	Ký sinh trùng 3	DH21XET01		
1743	210233	Dương Lê Huyền Trân	03/06/2003	Nữ	010100151401	Vì sinh 4	DH21XET01		
1744	211074	Lê Hữu Tới	24/08/2003	Nam	010100120301	Ký sinh trùng 3	DH21XET01		
1745	211074	Lê Hữu Tới	24/08/2003	Nam	010100151401	Vì sinh 4	DH21XET01		
1746	211074	Lê Hữu Tới	24/08/2003	Nam	010100118001	Xét nghiệm tế bào 2	DH21XET01		
1747	210362	Lê Nguyễn Huy Hoàng	26/11/2003	Nam	010100120301	Ký sinh trùng 3	DH21XET01		
1748	210256	Lê Nguyễn Minh Thư	11/02/2003	Nữ	010100120301	Ký sinh trùng 3	DH21XET01		
1749	210256	Lê Nguyễn Minh Thư	11/02/2003	Nữ	010100151401	Vì sinh 4	DH21XET01		
1750	210616	Lê Thị Hồng Vần	21/02/2003	Nữ	010100120301	Ký sinh trùng 3	DH21XET01		
1751	210014	Nguyễn Huỳnh Giao	01/01/2001	Nữ	010100151401	Vì sinh 4	DH21XET01		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1752	211094	Nguyễn Huỳnh Thu Ngân	13/09/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1753	210415	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	23/02/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1754	211318	Nguyễn Như Huỳnh	24/04/2003	Nữ	010100151401	Vĩ sinh 4	DH21XET01		
1755	210914	Nguyễn Như Ý	22/09/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1756	211277	Nguyễn Thị Tú Anh	11/08/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1757	211303	Nguyễn Thị Yến Ngọc	24/10/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1758	211303	Nguyễn Thị Yến Ngọc	24/10/2003	Nữ	010100151401	Vĩ sinh 4	DH21XET01		
1759	210383	Nguyễn Trần Thúy Ái	22/01/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1760	210383	Nguyễn Trần Thúy Ái	22/01/2003	Nữ	010100151401	Vĩ sinh 4	DH21XET01		
1761	210955	Nguyễn Văn Giàu	29/07/2003	Nam	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1762	212093	Nguyễn Xuân Thi	24/10/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1763	212093	Nguyễn Xuân Thi	24/10/2003	Nữ	010100151401	Vĩ sinh 4	DH21XET01		
1764	210752	Phạm Diệp Khánh Quân	14/04/2003	Nữ	010100151401	Vĩ sinh 4	DH21XET01		
1765	210888	Phạm Ngọc Trân	28/06/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1766	210059	Thạch Hoàng Diễm	17/12/2002	Nữ	010100151401	Vĩ sinh 4	DH21XET01		
1767	211131	Trần Bùi Minh Anh	28/08/2003	Nữ	010100151401	Vĩ sinh 4	DH21XET01		
1768	213225	Trần Ngọc Măng	11/06/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1769	213225	Trần Ngọc Măng	11/06/2003	Nữ	010100151401	Vĩ sinh 4	DH21XET01		
1770	211173	Trần Thúy An	09/11/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1771	210877	Trịnh Thị Cẩm Tiên	05/01/2003	Nữ	010100151401	Vĩ sinh 4	DH21XET01		
1772	210278	Trương Đào Nhiên	21/11/2003	Nữ	010100120301	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET01		
1773	2110968	Châu Thị Lan Anh	05/12/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1774	2110968	Châu Thị Lan Anh	05/12/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1775	211353	Đặng Ngọc Phần	14/01/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1776	211353	Đặng Ngọc Phần	14/01/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1777	212234	Danh Thị Mỹ Tiên	26/03/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1778	212234	Danh Thị Mỹ Tiên	26/03/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1779	211560	Đoàn Ngọc Bảo Trân	17/07/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1780	211560	Đoàn Ngọc Bảo Trân	17/07/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1781	212974	Hồ Thị Ngọc Trà	28/04/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1782	212974	Hồ Thị Ngọc Trà	28/04/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1783	211637	Huỳnh Đoàn Phương Thảo	29/05/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1784	213121	Huỳnh Trần Gia Linh	09/10/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1785	213121	Huỳnh Trần Gia Linh	09/10/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1786	212431	Huỳnh Văn Thừa	05/10/2003	Nam	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1787	212431	Huỳnh Văn Thừa	05/10/2003	Nam	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1788	2010075	Lâm Văn Cường	21/02/2002	Nam	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1789	211295	Lê Huỳnh Như	20/06/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1790	211295	Lê Huỳnh Như	20/06/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1791	211347	Lê Kiều Lam	29/09/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1792	211347	Lê Kiều Lam	29/09/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1793	212547	Lê Thanh Nghi	01/01/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1794	212547	Lê Thanh Nghi	01/01/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1795	211682	Lư Chí Công	10/04/2003	Nam	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1796	210292	Ngô Khánh Ly	01/01/2003	Nam	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1797	2111058	Ngô Trọng Phúc	08/10/2003	Nam	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1798	212069	Nguyễn Ái Linh	29/12/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1799	212585	Nguyễn Hoài Thương	26/12/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1800	212585	Nguyễn Hoài Thương	26/12/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1801	211178	Nguyễn Thảo Anh	24/11/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1802	212412	Nguyễn Thị Cẩm Tú	28/09/2002	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1803	212412	Nguyễn Thị Cẩm Tú	28/09/2002	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1804	212569	Nguyễn Thị Trúc Giang	29/12/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1805	212569	Nguyễn Thị Trúc Giang	29/12/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1806	211301	Nguyễn Tuấn Thanh	09/04/2003	Nam	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1807	211843	Nguyễn Việt Thùy	15/10/2002	Nam	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1808	211702	Phạm Ngọc Mạnh	29/11/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1809	211394	Phạm Thị Hên	12/01/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1810	211649	Phương Tường Duy	07/12/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1811	211649	Phương Tường Duy	07/12/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1812	212241	Tô Thị Kim Ngân	20/09/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1813	212007	Trần Hoàng Hiếu	07/07/2003	Nam	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1814	212007	Trần Hoàng Hiếu	07/07/2003	Nam	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1815	212532	Trần Kim Hoàng	22/12/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1816	212532	Trần Kim Hoàng	22/12/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1817	211773	Trần Minh Thơ	13/03/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1818	211820	Trần Ngọc Hề	16/10/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1819	211820	Trần Ngọc Hề	16/10/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1820	211601	Trần Ngọc Huyền	10/04/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1821	212603	Trần Phương Như	05/05/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1822	212603	Trần Phương Như	05/05/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1823	212593	Trịnh Thị Bích Quyên	11/01/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1824	212458	Trương Minh Thư	24/02/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1825	211642	Võ Anh Thư	01/01/2003	Nữ	010100120302	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET02		
1826	211743	Vũ Ngọc Vân Anh	03/12/2003	Nữ	010100151402	Vĩ sinh 4	DH21XET02		
1827	213683	Bùi Nguyễn Thúy Uyên	23/05/2003	Nữ	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1828	213741	Hoàng Đình Vũ	16/03/2003	Nam	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1829	212673	Lương Hồng Tốt	11/08/2003	Nam	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1830	212773	Lưu Bảo Hân	23/09/2003	Nữ	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1831	212812	Ngô Kiều Trân	05/12/2003	Nữ	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1832	212812	Ngô Kiều Trân	05/12/2003	Nữ	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1833	212812	Ngô Kiều Trân	05/12/2003	Nữ	010100118003	Xét nghiệm tế bào 2	DH21XET03		
1834	213291	Nguyễn Cao Sang	04/12/2003	Nam	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1835	213332	Nguyễn Đức Tín	26/11/2003	Nam	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1836	213332	Nguyễn Đức Tín	26/11/2003	Nam	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1837	211867	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	21/10/2003	Nữ	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1838	211867	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	21/10/2003	Nữ	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1839	213654	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	14/08/2003	Nữ	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1840	212698	Nguyễn Phúc Thịnh	16/09/2003	Nam	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1841	213163	Nguyễn Thị Xuân Mai	20/11/2003	Nữ	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1842	202868	Nguyễn Thúy Duyên	20/07/2002	Nữ	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1843	213963	Phạm Quốc Hưng	18/05/2003	Nam	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1844	212962	Phạm Quốc Huy	03/10/2003	Nam	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1845	213087	Phạm Tấn Thông	03/02/2003	Nam	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1846	212811	Phan Dương Phương Hà	10/11/2003	Nữ	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1847	212811	Phan Dương Phương Hà	10/11/2003	Nữ	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1848	212811	Phan Dương Phương Hà	10/11/2003	Nữ	010100118003	Xét nghiệm tế bào 2	DH21XET03		
1849	213309	Tiêu Thị Huỳnh Trâm	28/12/2003	Nữ	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1850	213887	Trần Hoàng Khiêm	19/02/2003	Nam	010100151403	Vĩ sinh 4	DH21XET03		
1851	212988	Trần Thị Thùy Trang	22/09/2003	Nữ	010100120303	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET03		
1852	2110325	Cao Thị Ngọc Trân	03/02/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1853	2110233	Hà Thị Mỹ Thảo	02/12/2003	Nữ	010100120304	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET04		
1854	2110233	Hà Thị Mỹ Thảo	02/12/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1855	214251	Lê Duyên	05/09/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1856	214207	Lê Huỳnh Thiên Trúc	28/01/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1857	2110308	Nguyễn Ngọc Kiều Anh	16/09/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1858	2110021	Nguyễn Thị Mộng Kiều	02/12/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1859	2110306	Ninh Ngọc Thảo Hân	14/11/2003	Nữ	010100120304	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET04		
1860	2110306	Ninh Ngọc Thảo Hân	14/11/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1861	214031	Phạm Nguyễn Nhã Phương	22/10/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1862	214490	Phạm Vũ Kha	02/07/2003	Nam	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1863	214174	Trần Lê Minh Nhựt	09/10/2002	Nam	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1864	214328	Trần Thị Như Quỳnh	24/10/2003	Nữ	010100120304	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET04		
1865	214328	Trần Thị Như Quỳnh	24/10/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1866	2110615	Trần Thúy Hằng	09/11/2003	Nữ	010100120304	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET04		
1867	2110615	Trần Thúy Hằng	09/11/2003	Nữ	010100151404	Vĩ sinh 4	DH21XET04		
1868	202961	Trương Trúc Quỳnh	16/10/2000	Nữ	010100120304	Kỹ sinh trùng 3	DH21XET04		

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1869	202961	Trương Trúc Quỳnh	16/10/2000	Nữ	010100151404	Vi sinh 4	DH21XET04		
1870	202961	Trương Trúc Quỳnh	16/10/2000	Nữ	010100118004	Xét nghiệm tế bào 2	DH21XET04		
1871	210219	Đàm Đức Bảo	27/09/2003	Nam	011500147501	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH01		HK1 24-25
1872	210478	Nguyễn Bích Ngọc	01/04/2003	Nữ	011500147501	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH01		HK1 24-25
1873	210640	Nguyễn Như Bình	09/01/2003	Nữ	011500147501	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH01		HK1 24-25
1874	210457	Nguyễn Thị Khoa Niên	08/02/2003	Nữ	011500147501	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH01		HK1 24-25
1875	210664	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	03/11/2003	Nữ	011500147501	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH01		HK1 24-25
1876	210685	Trần Đoàn Bảo Vy	23/01/2003	Nữ	011500147501	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH01		HK1 24-25
1877	210268	Trần Huỳnh Ngọc Mai	24/12/2003	Nữ	011500147501	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH01		HK1 24-25
1878	210593	Võ Thị Diễm Chi	24/09/2003	Nữ	011500147501	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH01		HK1 24-25
1879	212420	Đinh Lan Anh	06/01/2003	Nữ	011500147502	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH02		HK1 24-25
1880	202427	Hồ Bích Như	18/02/2002	Nữ	011500147502	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH02		HK1 24-25
1881	211672	Hồ Nguyễn Thanh Lâm	23/09/2003	Nam	011500147502	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH02		HK1 24-25
1882	210913	Khổng Trường Vi	20/06/2003	Nam	011500147502	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH02		HK1 24-25
1883	211443	Lê Phương Linh	26/10/2003	Nữ	011500147502	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH02		HK1 24-25
1884	210832	Nguyễn Hoàng Tuyết Trân	07/10/2003	Nữ	011500147502	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH02		HK1 24-25
1885	211705	Nguyễn Huỳnh Diễm My	12/02/2003	Nữ	011500147502	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH02		HK1 24-25
1886	211778	Nguyễn Kiều Hoa Trinh Nữ	01/09/2003	Nữ	011500147502	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH02		HK1 24-25
1887	212705	Danh Thị Phương Dung	29/03/2003	Nữ	011500147503	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH03		HK1 24-25
1888	212102	Trần Thị Kim Ngọc	19/01/2003	Nữ	011500147503	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH03		HK1 24-25
1889	214148	Cao Thị Kim Phụng	19/03/2003	Nữ	011500147504	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH04		HK1 24-25
1890	213591	Hồ Phùng Lam Duyên	20/09/2003	Nữ	011500147504	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH04		HK1 24-25
1891	214002	Nguyễn Thị Phương Ngọc	29/11/2003	Nữ	011500147504	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH04		HK1 24-25
1892	213488	Phạm Thị Huỳnh Ni	08/03/2003	Nữ	011500147504	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH04		HK1 24-25
1893	213563	Phan Ngọc Như	29/09/2003	Nữ	011500147504	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH04		HK1 24-25
1894	2110200	Huỳnh Dư Minh Thư	11/02/2002	Nữ	011500147506	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH06		HK1 24-25
1895	2110271	Nguyễn Kiến Quốc	27/04/2003	Nam	011500147506	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH06		HK1 24-25
1896	2110473	Bùi Công Thành	07/02/2003	Nam	011500147507	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH07		HK1 24-25
1897	2110732	Bùi Lạc Vương	15/03/2003	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1898	2111079	Danh Huỳnh Duy Phong	22/12/2003	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1899	2111067	Đổng Thị Huyền Trâm	16/11/2003	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1900	213617	Lê Thế Trân	16/07/2003	Nữ	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1901	2110708	Lý Minh Trường	16/10/2001	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1902	2111035	Nguyễn Công Hậu	03/12/1998	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1903	2110755	Nguyễn Quang Vinh	27/04/2003	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1904	2110776	Nguyễn Thanh Bình	12/02/2003	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1905	2110727	Nguyễn Thanh Thảo Trân	08/07/2003	Nữ	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1906	2111286	Nguyễn Trần Bình Trọng	01/01/2003	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1907	2111036	Nguyễn Trần Phương	12/06/2003	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học phần	Tên môn	Tên lớp	Đăng ký học với lớp	Ghi chú
1908	2111041	Nhan Gia Huy	05/12/2002	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1909	2110804	Quách Quế Quyên	22/01/2003	Nữ	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1910	2110877	Trần Thái Bảo	31/05/2003	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1911	2111005	Trần Võ Song Thu	06/12/2002	Nữ	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1912	2111026	Võ Dương Phát	18/02/1998	Nam	011500147508	Bệnh học sản khoa 1	DH21YKH08		HK1 24-25
1913	224919	Trần Tuấn Kiệt	12/09/2004	Nam	010100079201	Quản trị tài chính	DH22TCN03	DH21LOG01	